

See discussions, stats, and author profiles for this publication at: <https://www.researchgate.net/publication/347936455>

Chuyên san Dạy và Học – Số 30 – Gắn kết

Book · December 2020

CITATIONS

0

READS

136

11 authors, including:



Anh-Duc Hoang

EdLab Asia

124 PUBLICATIONS 134 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Duong Phu Viet Anh

30 PUBLICATIONS 1 CITATION

[SEE PROFILE](#)



Chi Linh Nguyen

EdLab Asia

36 PUBLICATIONS 39 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Phung Ngoc Lan

13 PUBLICATIONS 0 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)

Some of the authors of this publication are also working on these related projects:



Second Northern Greater Mekong Subregion Transport Network Improvement (RRP REG 41444) [View project](#)



Enhancing Vietnamese educator's capability [View project](#)

Day & học

Số 30 - tháng 12/ 2020

GẮN KẾT

UDL - THIẾT KẾ PHỔ
QUÁT CHO VIỆC HỌC

TRẺ SẼ HỌC TẬP TỐT HƠN
NẾU KHÔNG PHẢI NGỒI YÊN
MỘT CHỖ

SỰ KHÁC BIỆT
GIỮA KỶ LUẬT VÀ
TRỪNG PHẠT?

DẠY VỀ CÂU HỎI THAY VÌ
CÂU TRẢ LỜI

Số 30: Gắn kết

Dạy thế nào?

ĐỂ ĐIỂM SỐ TRỞ NÊN CÓ Ý NGHĨA VÀ HỮU ÍCH
ĐỐI VỚI VIỆC HỌC CỦA HỌC SINH 06

Đức Hà dịch

GẶP GỠ PHỤ HUYNH:

VƯỢT QUA DÒNG NƯỚC CUỐN 09

Ngọc Lan dịch

UDL - THIẾT KẾ PHỔ QUÁT CHO VIỆC HỌC 14

Việt Anh dịch

DẠY VỀ CÂU HỎI THAY VÌ CÂU TRẢ LỜI 18

Phương Thục dịch

Học thế nào?

HIỂU VỀ SỰ PHẠM THEO MỘT CÁCH ĐƠN GIẢN -
KỲ 2 21

Jasmine dịch

TRẺ SẼ HỌC TẬP TỐT HƠN NẾU KHÔNG PHẢI
NGỒI YÊN MỘT CHỖ 24

Quốc Việt dịch

Quản lý Giáo dục

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA KỶ LUẬT VÀ TRỪNG PHẠT?	28
---	----

Khuất Tuấn dịch

XÂY DỰNG NHỮNG MỐI LIÊN HỆ THÔNG QUA NHỮNG BƯỚC THƯ TAY	31
--	----

Nguyễn Tiến Đạt dịch

Cải tổ giáo dục

THAY VÌ COI “THẤT BẠI” NHƯ LÀ MỘT ĐIỀU TÍCH CỰC, TẠI SAO KHÔNG SỬ DỤNG NHỮNG TỪ TÍCH CỰC?	34
---	----

Jasmine dịch

[30+ FRAMEWORKS GIÁO DỤC] - KỲ 13: BUILDING BLOCKS FOR LEARNING	37
--	----

Việt Anh

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới **Dạy và Học** muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

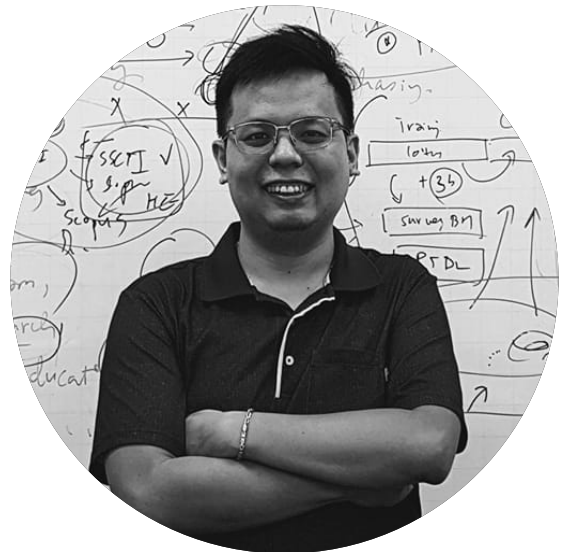
Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung **Dạy và Học** có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**



“**Dạy & Học** là ấn phẩm không thể thiếu đối với các nhà trường phổ thông”

- TS Phạm Hiệp, Chuyên gia Giáo dục

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Sớm thôi, 2020 sẽ khép lại, mở ra những kỳ vọng và mong ước tươi sáng, đầy ắp cho 2021. Trước sự chuyển giao đó, ta hãy cùng làm một tổng kết nhỏ xinh. Dạy và học đến nay đã được 30 số. Riêng năm qua có 130 bài, đầu đó 400-500 trang viết do những tình nguyện viên gửi gắm. Tuy vẫn còn nhiều hạn chế, nhưng Dạy và học vẫn hy vọng mang tới được cho các thầy cô chút chất keo giúp gắn kết lý thuyết với thực hành, hàn chặt kỳ vọng vào thực tế.

Với chủ đề “Gắn kết”, kỳ này, chuyên san sẽ xoay quanh câu chuyện tạo dựng những mối quan hệ có ảnh hưởng mật thiết với việc học tập của học sinh.

Trước hết là mối quan hệ giữa thầy và trò. Để có được sự kết nối với học trò, giáo viên cần có một phương pháp sư phạm tốt. Bài **“Thiết kế phổ quát cho học tập”** và **“Trẻ sẽ học tập tốt hơn nếu không phải ngồi yên một chỗ”** sẽ giúp giáo viên hình thành những tiết dạy tôn trọng sự khác biệt của mỗi cá nhân học sinh. Tiếp đó là kỷ luật và giao tiếp tích cực trong lớp học, giáo viên cần có một sự phân định rõ giữa **“... kỷ luật và trừng phạt”**, đồng thời, giữ được sự trao đổi thường xuyên với học sinh. Bài **“Xây dựng những mối liên hệ thông qua những bức thư tay”** sẽ đem tới vài gợi ý bổ ích cho bạn.

Với câu chuyện xây dựng mối quan hệ tốt với phụ huynh, bạn có thể tham khảo bài **“Gặp gỡ phụ huynh: vượt qua dòng nước cuốn”** để tìm kiếm gợi ý giúp bạn tháo gỡ nút thắt với một vài trường hợp khó khăn. Ngoài ra, các bài: **“Hiểu về sư phạm theo một cách đơn giản”**, **“Thay vì coi “thất bại” như là một điều tích cực, tại sao không sử dụng những từ tích cực?”** là những vấn đề đơn giản mà chúng ta có thể chủ động thực hành, nhằm xây dựng sự thống nhất chung giữa thầy cô với cha mẹ - nền tảng cho sự phối hợp hiệu quả từ 2 phía.

Xin chúc Quý vị có những khoảng thời gian thú vị.

Trân trọng,

Ban Biên tập Lộn Xộn





Để điểm số trở nên có ý nghĩa và hữu ích đối với việc học của học sinh

¹Để phản ánh thực chất quá trình học của học sinh thông qua điểm số là một trong những vấn đề lâu năm của giáo dục, và những thay đổi tư duy sau về việc cho điểm và báo điểm sẽ giúp khắc phục vấn đề này.

Tyler Rablin | Đức Hà dịch

Lời thú nhận: Trong quá trình dạy học của mình, đã có những lúc tôi cảm thấy không thích hoạt động đánh giá. Tôi sợ phải nhìn thấy những biểu cảm của học sinh khi tôi thông báo rằng lớp sắp có bài kiểm tra. Tôi ghét phải trả lại bài kiểm tra vì điểm số làm ảnh hưởng tới động lực học tập của học sinh. Nhưng quan trọng nhất, tôi ghét cảm giác rằng việc đánh giá là không quan trọng.

Tôi đã cố gắng thay đổi điều này – tôi thay đổi thang điểm, cách thông báo điểm cho học sinh và phụ huynh, kể cả thay đổi kiểu đánh giá nhưng tất cả đều không tạo nên quá nhiều khác biệt. Tôi nhận ra rằng sau mọi cố gắng thì tôi vẫn không thể thay đổi vai trò của hoạt động đánh giá trong lớp học của mình.

Sau đó, tôi dần nhận ra một số tư duy quan trọng mà tôi phải thay đổi nếu muốn việc đánh giá trong lớp học của mình trở nên có ý nghĩa.

Đánh giá là bằng chứng của quá trình học tập. Đánh giá không quan trọng mà việc học được thể hiện qua đánh giá mới thực sự là điều quan trọng. Điều này thật sự khó khăn để nắm bắt được. Điều quan trọng mà chúng ta cần nhớ là

một bài đánh giá đơn lẻ chỉ là một phần trong rất nhiều thông tin cần được sử dụng để xác định sự tiến bộ của học sinh. Điều này đã giúp tôi mở rộng suy nghĩ của mình về hoạt động đánh giá. Thông tin từ một cuộc trò chuyện với học sinh? Đó là bằng chứng! Lắng nghe các nhóm làm việc? Cũng là bằng chứng!

Tôi đã thay đổi như thế nào? Tôi tự đặt ra hai câu hỏi: Tôi muốn học sinh của mình học điều gì? Và làm thế nào để học sinh có thể chứng tỏ rằng các em đã học được những điều đó? Việc sử dụng nhiều kỹ thuật để đánh giá sẽ cung cấp cho bạn bức tranh toàn cảnh hơn về việc học tập của học sinh thay vì chỉ nhìn nhận các khía cạnh một cách riêng lẻ.

Hãy cố gắng nhiều lần, nhưng đừng làm đi làm lại một bài tập

Khi học sinh cố gắng nhiều lần để chứng minh thành quả học tập của mình, chúng ta có thể bắt đầu đặt câu hỏi về việc cho học sinh làm lại các nhiệm vụ. Học sinh cần phải hiểu được giá trị của việc tạo nên một sản phẩm tốt thông qua nhiều lần thử và sửa đổi, nhưng làm đi làm lại một điều gì đó chỉ vì mục đích điểm số thì thật là không nên.

Thay vì yêu cầu học sinh làm đi làm lại một bài tập, hãy hỏi học sinh, “Còn cách nào để cho thấy rằng em đã tiếp thu được kiến thức đó không?” Điều này giúp loại bỏ sự nhấn mạnh vào bài tập, thay vào đó là tập trung vào học sinh và việc học của các em.

¹ Nguồn: <https://www.edutopia.org/article/how-make-sure-grades-are-meaningful-and-useful-students>

Tôi đã thay đổi như thế nào? Các tiêu chuẩn khác nhau cần được dành sự tập trung và lượng thời gian khác nhau để đạt được. Điều này quan trọng vì bạn không thể thử đi thử lại nhiều lần với hàng triệu tiêu chuẩn. Hãy giới hạn nhiều lần thử để dành thời gian cho những gì cần thiết. Hãy tư duy đi sâu vào các vấn đề, thay vì suy nghĩ về quá nhiều thứ, từ đó bạn có thể thu thập nhiều thông tin cho từng khái niệm hoặc kỹ năng mà học sinh đã đạt được.

Sổ điểm có thể trở thành nhật ký giao tiếp

Tôi vẫn nhớ khoảnh khắc — khi tôi đi dọc hành lang vào cuối năm đầu tiên dạy học để nộp bảng điểm cuối năm — tôi đã nghĩ, “Điều này có ý nghĩa gì?” Tôi biết ai là người giỏi trong các câu đố, ai là người đạt thành tích tốt và thật lòng thì ai là người ghét lớp tôi. Tôi đã phải tự hỏi, “Sổ điểm cho thấy điều gì, và vì sao?”.

Tôi đã thay đổi như thế nào? Bước một là xác định thông tin muốn truyền đạt. Hãy nghĩ xem thông tin nào sẽ hữu ích cho tất cả các bên liên quan và sau đó nghĩ về cách để bạn có thể truyền đạt thông tin đó một cách rõ ràng. Từ đó, để khoảng trống trong sổ điểm của bạn cho từng phần riêng. Hãy làm cho sổ điểm của bạn rõ ràng, có ý nghĩa và chính xác.

Sử dụng nhận xét để hướng học sinh đến việc học tập, nghiên cứu sâu hơn

Khi tôi bắt đầu giảng dạy, hầu hết các phản hồi mà học sinh nhận được chỉ đơn giản nêu ra các lỗi mà các em mắc phải, cho dù là thông qua nhận xét hay điểm số. Dần dần, tôi nhận ra rằng công việc của tôi không phải là xác định những sai lầm; công việc của tôi là xác định các xu hướng, phân tích chúng để xác định nhu cầu học tập, và sau đó giúp học sinh tìm ra hướng đi đúng cho mình.

Tôi đã thay đổi như thế nào? Thành thật mà nói, cách này thất bại là để tìm ra những cách

mới hiệu quả hơn trong việc đưa ra nhận xét. Một nhận xét ngắn được viết ra thường không đảm bảo được những gì tôi cần để giúp học sinh tập trung vào việc học — các nhận xét của tôi thường tập trung quá vào các lỗi sai. Bằng cách để lại phản hồi qua video, sử dụng các công cụ tự động điền văn bản, tận dụng các buổi gặp mặt riêng và các danh mục phản hồi, tôi có thể đưa ra nhận xét hiệu quả hơn thay vì chỉ tổng hợp các lỗi sai của học sinh.

Tôi biết những thay đổi này có vẻ rất nhỏ, nhưng nếu không có chúng, các phương pháp đánh giá của chúng ta sẽ bắt nguồn từ các phương pháp không phù hợp với cách trẻ học tốt nhất. Từ lâu, việc chấm điểm và đánh giá đã khiến học sinh sợ hãi trong suốt thời đi học, đẩy học sinh vào một cuộc chiến, khiến học sinh bỏ chạy hoặc đóng băng phản ứng vì các em cảm thấy quá trình đánh giá không an toàn, tích cực hay hữu ích.

Vấn đề là điểm số nằm ngoài tầm kiểm soát của học sinh, các em không cảm thấy mình cũng là một phần trong quá trình đánh giá. Tôi vẫn cho điểm, nhưng với những thay đổi mà tôi đã thực hiện giúp cho học sinh biết rằng các em là một phần của quá trình đánh giá — các em có tiếng nói trong đó và kết quả đánh giá thuộc về chính các em.

Những thay đổi trong suy nghĩ này không phải là tất cả, nhưng chúng đã làm thay đổi không khí trong lớp học của tôi. Học sinh của tôi không còn phải chạy theo đánh giá — các em không sợ điều đó nữa. Thay vì thế, học hiểu bản chất của việc đánh giá, cũng như giá trị của hoạt động đánh giá không chỉ với giáo viên mà với chính bản thân các em.

Đó mới thực sự là điều quan trọng.



GẶP GỠ PHỤ HUYNH: VƯỢT QUA DÒNG NƯỚC CUỐN

¹ Alex Newman² | Ngọc Lan dịch

Đa số phụ huynh đều có lý lẽ, có chừng mực và tôn trọng giáo viên. Nhưng những người có yêu cầu cao thường khiến mọi giáo viên e sợ. Tình trạng này dường như đang trở nên tồi tệ hơn qua mỗi năm.

Cho dù giáo viên đã dành quá nhiều thời gian để kiên nhẫn giúp đỡ một học sinh đang ở mức chưa đạt yêu cầu, hay chỉ đơn giản là tức giận thì việc các bậc phụ huynh nổi giận càng gây thêm căng thẳng về mặt cảm xúc và tinh thần vốn đã quá tải của giáo viên.

Điều đó có vẻ không công bằng, bạn đã chọn nghề

dạy học, với ý định hướng dẫn học sinh khám phá thế giới tuyệt vời của tri thức, mong chờ những khoảnh khắc khi một ý tưởng lóe lên và ý niệm sẽ biến thành hiện thực.

Bạn đang cố gắng hết sức nhưng đối với một số phụ huynh thì điều đó là chưa đủ. Jen McColl, một giáo viên tiểu học ở Toronto, cho biết điều này ảnh hưởng đến một số giáo viên, đặc biệt là những giáo viên rất sáng tạo bị áp lực nhiều hơn những giáo viên khác. Cô ấy là bạn của một “*thầy giáo tuyệt vời, người đã tổ chức rất nhiều hoạt động thú vị cho bọn trẻ và hiện nay đang nghỉ vì quá căng thẳng. Lý do chủ yếu khiến anh ấy suy sụp là sự tra hỏi dồn dập của phụ huynh về những gì anh ấy đang làm, và điều đó tạo ra mâu thuẫn.*”

Đối với McColl, mâu thuẫn trở nên lớn nhất khi phụ huynh đặt câu hỏi về mọi thứ bạn làm, bất kể đó là “chương trình giảng dạy, cách quản lý lớp

¹ Tựa gốc: *Meet The Parents: Navigating Tricky Waters.*

² Alex Newman là một nhà văn và biên tập viên tự do ở Toronto. Truy cập trang web của cô ấy, alexnewmanwriter.com.

học, sự tương tác với học sinh hay hoạt động sau giờ học mà tôi nên thực hiện.”

Mỗi năm học, McColl luôn có một hoặc hai phụ huynh có yêu cầu cao, những người mà “có vấn đề hàng tuần, có 1 cái email hay những cuộc gọi. Thông thường, họ cảm thấy như con họ đang bị những đứa trẻ khác hay các giáo viên khác bắt nạt. Đôi khi cảm tưởng như là một cái hố không đáy đang rút cạn cả nước bởi vì bất kể chiến lược nào tôi đưa ra hay những người mà tôi nhờ tư vấn giúp đều được xem như không còn quan trọng”. McColl cũng giải thích thêm nguyên nhân đến từ vấn đề bảo mật. “Mâu thuẫn giữa những đứa trẻ là chuyện riêng tư. Nếu tôi phát hiện ra một trong những đứa trẻ bị tổn thương, tôi không thể chia sẻ với phụ huynh kia rằng đứa trẻ đó đang bị kỷ luật, vì vậy các phụ huynh cứ nghĩ rằng đang chẳng có chuyện gì xảy ra.”

Tuy nhiên, các sự cố về hành vi quá khích hiếm khi xảy ra. McColl cho biết trong 14 năm giảng dạy, cô ấy đã “có thể gặp ba trường hợp mà mối quan hệ đã hoàn toàn tan vỡ sau thời điểm giải quyết vấn đề”.

Tại sao họ hành động như vậy?

Dù vậy, cô McColl hiểu vì bản thân cô cũng là một phụ huynh. “Mỗi người đều đang trên cuộc hành trình của riêng mình. Nếu cha mẹ có những trải nghiệm không mấy dễ chịu khi còn đi học, hoặc từng có những trải nghiệm với giáo viên như kẻ thù thì họ có xu hướng trở nên tức giận nhiều hơn.”

Năm học này, McColl có 9/25 học sinh có lộ trình học tập cá nhân (Individual Education Plan - IEP). Khi ai đó có con là một học sinh có lộ trình hỗ trợ cá nhân thì nỗi xấu hổ tăng cao vì đôi khi chính phụ huynh đã trải nghiệm học tập tương tự trước đó. “Tôi luôn cố gắng nhìn nhận vấn đề dưới các lăng kính khác nhau và trao đổi cho phụ huynh biết trong quá trình họ phối hợp với nhà trường.”

Các phụ huynh cũng lo âu không kém, đặc biệt muốn đảm bảo rằng con cái của họ có thành tích học tập tốt để chắc chắn có sự nghiệp thành công trong tương lai. Như Alex Russell, tác giả của “Drop the Worry Ball” nói: “Xã hội phát triển khiến các cha mẹ cảm thấy có trách nhiệm hơn về những thành công và thất bại của con cái họ... họ càng kỳ vọng nhiều vào năng lực của con mình, thì những đứa trẻ càng trở nên bất ổn hơn”.

Dù vậy, phần lớn các phụ huynh đều “không mong chờ một hình phạt khắc nghiệt”_Paul Wozney, một giáo viên tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông ở Halifax (thuộc Canada) và là chủ tịch Hội liên hiệp giáo viên bang Nova Scotia chia sẻ. Paul Wozney tìm thấy hai kiểu phụ huynh thường gây rắc rối. Đầu tiên là một nhóm phụ huynh nhỏ nhưng hiếu chiến: “những phụ huynh không tìm kiếm giải pháp và những phụ huynh thích dùng sức mạnh vì họ có khả năng và luôn cho rằng bản thân đúng. Thật sự không thể định hướng cho họ có suy nghĩ khác đi bởi vì chúng đã cố thủ trong một khuôn mẫu.”

Thầy cũng đồng thời chia sẻ rằng, chính những vị phụ huynh cần sự hỗ trợ lại bị ảnh hưởng vì những đồng hồ động mà những phụ huynh đòi hỏi yêu cầu cao gây ra. “Chính nhóm phụ huynh có mối quan tâm chính đáng lại là những người ít được phục vụ nhất, bởi vì họ mang tới cho giáo viên cảm giác về năng lượng tiêu cực giống như t những người đòi hỏi không chính đáng. Bạn có thể sẽ gán sự tiêu cực của ai đó vào sự cấp bách của người khác”.

Một cách phòng ngừa nhẹ nhàng

Trong tháng đầu tiên của năm học, McColl cố gắng “gọi cho phụ huynh để trò chuyện một câu chuyện tốt về con của họ. Cuộc trao đổi tích cực đó tạo điều kiện cho việc giao tiếp suôn sẻ hơn sau này nếu có vấn đề. Vì vậy, phụ huynh không phải gồng mình lên với câu hỏi “ừ, ồ, bây giờ thì sao?”

Mặc dù không bắt buộc phải trao đổi email với phụ huynh nhưng hàng tháng, cô McColl thích gửi phụ huynh bản tin bằng bản giấy.

Cách thức phối hợp giữa phụ huynh và giáo viên này, sự tương tác thường xuyên giữa nhà trường và gia đình trước khi xảy ra xung đột, đã được thống kê chỉ ra là có lợi. Trong hướng dẫn của Bộ Giáo Dục tỉnh Ontario (Canada) về việc đối phó với xung đột, khá nhiều nghiên cứu được trích dẫn. Sự thật rằng nếu gia đình càng tương tác nhiều với trường học thì kết quả học tập, tính chuyên cần và thái độ của học sinh càng tốt.

Tuy nhiên, khi những cuộc trò chuyện trở nên khó khăn hơn, McColl sẽ bắt đầu bằng việc tóm tắt lại những gì cô ấy thấy một cách khách quan, sau đó hỏi ý kiến của phụ huynh về những gì họ thấy ở nhà và những phương pháp mà họ đã sử dụng trong quá khứ. *“Cha mẹ vẫn là người giáo viên đầu tiên và tốt nhất của trẻ. Tôi cố gắng đối xử với họ như một chuyên gia cho con của họ”*.

Liên lạc mạng xã hội

Wozney khuyến nghị tránh tiếp xúc với phụ huynh trên mạng xã hội. Các hội nhóm trên Facebook một phần thuộc về cộng đồng trường học và cũng mang tính đời sống cá nhân, với những câu chuyện có thể không thực sự đáng tin. *“Giáo viên bị ràng buộc bởi những quy định bảo mật thông tin, họ không thể thảo luận hoặc bảo vệ mình trong một diễn đàn như vậy”*. Thực tế, hầu hết công đoàn giáo viên khuyên giáo viên không nên kết nối trực tiếp với phụ huynh trên mạng xã hội.

Luyện tập lòng đồng cảm

McColl cảm thấy đồng cảm nhất với những gia đình thực sự có nhu cầu kết nối với trường học nhưng hệ thống không có đủ nguồn lực để đáp ứng. Trong những tình huống như vậy, cô ấy sẽ hỏi phụ huynh về cách mà họ muốn cô ấy giúp đỡ.

McColl nói, vì hầu hết giáo viên đều là học sinh khối A, *“không phải lúc nào chúng tôi cũng thấy được triển vọng của những học sinh đang gặp khó khăn trong học tập. Chúng tôi thực sự cần có khả năng phân tích để đưa ra quyết định và trao đổi điều đó với phụ huynh”*.

Wozney cho biết lối ứng xử của phụ huynh cũng phản ánh khá nhiều về học sinh. *“Có thể có một phụ huynh tấn công bạn không thương tiếc, nhưng trải nghiệm của bạn với học sinh hoàn toàn không phải như vậy. Hoặc bạn có thể có một phụ huynh làm cho mọi thứ trở nên khủng hoảng và học sinh phản ứng thái quá ngay cả với những hình phạt hợp lý nhất. Tôi nhận thấy những đứa trẻ [có cha mẹ cư xử theo cách đó] thường phản ứng thái quá trước mọi tình huống hoặc dễ khép mình vào vỏ bọc”*.

Điều phải làm khi mọi thứ vượt tầm kiểm soát
Bất kể bạn đã xây dựng nền tảng ban đầu tốt đến mức nào, đôi khi sự việc vẫn có thể diễn biến xấu đi. Thực tế trước đây, khi điều đó xảy ra, đã đến lúc bạn nên đề nghị sự giúp đỡ của hiệu trưởng. Như Wozney chỉ ra: *“ban giám hiệu nhà trường [hiệu trưởng, hiệu phó, trưởng các bộ phận] có thể hữu ích trong việc giải quyết các rắc rối với phụ huynh. Một người nào đó có thể tham gia cuộc họp phụ huynh, với tư cách khách quan thì dễ dàng đàm phán được. Đó là một vai trò vô cùng quan trọng mà ban lãnh đạo nhà trường có thể thực hiện. Nhưng nếu cấp quản lý của trường nói rằng ‘bạn gây ra vấn đề trong lớp, bạn phải tự giải quyết nó’ thì điều đó có thể đẩy bạn vào tình thế khó khăn”*.

Tuy nhiên, McColl nhận thấy có ngày càng nhiều áp lực lên vai hiệu trưởng trong việc làm vừa lòng phụ huynh. *“Họ đang gặp sức ép khi phải giữ cho cộng đồng phụ huynh được hài lòng vì tỉ lệ kiện tụng ngày một tăng trong xã hội hiện nay. Tôi đã chứng kiến những học sinh bị đình chỉ học vì đánh nhau, sau đó việc đình chỉ đã không còn khi phụ huynh đến gặp giám thị. Mục đích của việc đình chỉ là để cảnh báo một điều nghiêm trọng đang xảy ra,*

và cần được hỗ trợ nhiều hơn”.

Tuy nhiên, trong một vài tình huống, có một ranh giới không nên vượt qua. Giáo viên nên nhận thức được đâu là ranh giới đó dựa theo các quy định và thủ tục thuộc thẩm quyền của bản thân họ. Điều này nhằm hỗ trợ giáo viên và giúp họ kiểm soát các tình huống.

Gọi cảnh sát?

Giáo viên có quyền tự bảo vệ mình và đôi khi điều đó có nghĩa là gọi cảnh sát. Wozney chia sẻ rằng việc này rất hiếm, nhưng xảy ra thường xuyên hơn bạn nghĩ.

Trong chính sách của Hội liên hiệp giáo viên bang Nova Scotia về việc đối phó với hành vi quấy rối của học sinh, phụ huynh và người lớn khác, các quyền của giáo viên được quy định: “Giáo viên có quyền được đối xử tôn trọng và làm việc trong một môi trường không bị quấy rối hay lạm dụng.”

Đội ngũ giáo viên của Nova Scotia ngày càng báo cáo nhiều hơn về các hành vi không phù hợp từ học sinh, phụ huynh và những người lớn khác.

McColl chỉ có một lần khiến cô phải gọi cảnh sát. Trước đây cô ấy đã gọi cho Hội viện trợ trẻ em (CAS) vì một vài điều đưa trẻ mà học sinh đã chia sẻ với cô ấy. CAS [đã liên hệ với gia đình của học sinh]... và [sau đó] phụ huynh xuất hiện ở trường, trông khá tức giận và đáng sợ. “Nếu một học sinh trình báo bị xâm hại, nếu chúng tôi thấy có dấu hiệu bị xâm hại, chúng tôi phải gọi cho CAS. Đó không phải là phán đoán, đó là các quy tắc” - McColl nói.

Trong cái rủi có cái may

Có những điều may mắn cho những đám mây tiềm tàng mưa bão này, đặc biệt là khi trẻ được hỗ trợ trong quá trình học tập.

Trong một tình huống, McColl động viên một học sinh cần được chữa bệnh. Đó không phải là

trường hợp bỏ mặc mà chỉ đơn giản là thể y tế của em đó đã bị mất. “Lúc đầu, người mẹ rất tức giận với tôi vì đã can thiệp, và bà ấy cảm thấy bị đánh giá... Nhưng nó liên quan đến phúc lợi của đứa trẻ và em ấy thực sự cần được giúp đỡ. Chúng tôi tìm thấy các thầy thuốc sẵn sàng giúp đỡ và có thể hỗ trợ những điều mà em ấy cần.”



Hiện giờ, học sinh đó khỏe mạnh và học tập tốt. Và mỗi khi người mẹ ấy nhìn thấy McColl, bà lại ôm cô ấy vào lòng.

McColl nói: “*Khi xung đột xảy ra, chắc chắn phải có lý do*”. “Đừng nghĩ rằng chỉ cần cố đến hết năm học, nếu chúng ra kiên trì, luôn có những điều

tuyệt vời hơn đang xảy ra và điều đó sẽ giúp ích cho tất cả mọi người. Bởi vì bạn phải tự hỏi, mâu thuẫn này sẽ xảy ra tương tự khi nào đối với đứa trẻ đó trong 20 năm nữa, và làm thế nào để trẻ có thể tự giải quyết tốt đẹp vấn đề đó?”





UDL - THIẾT KẾ PHỔ QUÁT CHO VIỆC HỌC

¹Allison Posey | Việt Anh dịch

Thiết kế phổ quát cho việc học (Universal Design for Learning - UDL) là một khuôn khổ được phát triển bởi Trung tâm Ứng dụng Công nghệ Đặc biệt (Center for Applied Special Technology - CAST²)_một đối tác sáng lập của Understood³. UDL hướng dẫn thiết kế các trải nghiệm học tập nhằm chủ động đáp ứng được nhu cầu của mọi người học. Khi bạn sử dụng UDL, bạn giả định rằng rào cản của việc học nằm ở thiết kế môi trường học tập, chứ không nằm ở học sinh. UDL dựa trên nền tảng khoa học não bộ và những thực hành sư phạm dựa trên bằng chứng. Đồng thời, nó cũng tận dụng sức mạnh của công nghệ kỹ thuật số.

Hãy tưởng tượng điều này: Các em học sinh của bạn chuẩn bị viết một bài luận về những giai đoạn biến thái của loài bướm.

Một số học sinh thì đã từng thấy những chú bướm phát triển qua các giai đoạn khác nhau tại một bảo tàng khoa học của địa phương. Những em này rất hào hứng chia sẻ những điều mình biết. Còn những học sinh khác thì chẳng biết gì về loài bướm cả, các em lo lắng khi phải viết về chủ đề này. Và một vài học sinh khác thì chẳng thích viết - nỗi kinh sợ đã nổi lên ngay từ khoảnh khắc bạn nói ra từ “bài luận”.

Trong mọi lớp học, bạn biết rằng có một khoảng

cách lớn của hứng thú, nền tảng, và các kỹ năng giữa những học sinh của bạn. Khi bạn ghi nhớ điều này và lên kế hoạch cho bài dạy, bạn có thể tiếp cận bài dạy theo một vài cách.

Bạn có thể chia sẻ một bài học nhỏ về những giai đoạn biến thái của loài bướm, giao cho học sinh phiếu hướng dẫn để các em viết bài. Hoặc bạn có thể thiết lập một vài trạm, nơi học sinh được nhóm lại theo cách linh hoạt như: dựa trên sự hiểu biết sẵn có về đề tài, năng lực ngôn ngữ, mức độ đọc hiểu.

Nhưng hãy lùi lại một bước nào. Trong mọi bài học hoặc nhiệm vụ, đúng là bạn có thể dự kiến trước phạm vi của khả năng thay đổi giữa học sinh của mình. Nhưng còn có một cách tiếp cận khác nữa mà bạn có thể sử dụng để lên kế hoạch cho sự đa dạng này trong mọi bài học của bạn: Thiết kế phổ quát cho việc học (Universal Design for Learning - UDL).

Tại sao cần sử dụng Thiết kế phổ quát cho việc học?

Mục tiêu cuối cùng của UDL là khiến mọi người học trở thành “người học chuyên nghiệp”. Những người học chuyên nghiệp là những người có mục đích, có động lực, tháo vát, hiểu biết, có chiến lược và hướng đến mục tiêu trong học tập.

UDL là một cách tiếp cận mạnh mẽ vì ngay từ những bước đầu trong bài dạy của bạn, nó giúp bạn dự kiến và lên kế hoạch cho tất cả học sinh của bạn. Nó có thể giúp bạn chắc chắn rằng sẽ có nhiều học sinh nhất sẽ tham gia và tiếp cận vào việc học, chứ không chỉ là một vài em.

Bạn không cần những công cụ hay công nghệ đặc thù nào để đi theo nguyên tắc của UDL. Thay vào đó, học sinh của bạn sẽ chọn lựa từ các công cụ và nguồn tài nguyên sẵn có của bạn. Các em có thể sẽ sử dụng theo những cách khác nhau.

Ngoài ra, UDL có lẽ sẽ thay đổi cách bạn suy

¹ Nguồn: https://www.understood.org/?_ul=1*aeqa-1f*domain_userid*YW1wLXpDSk5HZzhLcnihZWZZd1JJL-Vo5THc.

² CAST được thành lập năm 1984 bởi một nhóm nhỏ các nhà nghiên cứu. CAST tập trung vào khám phá các cách thức sử dụng những công nghệ mới, nhằm cung cấp trải nghiệm giáo dục tốt hơn cho những học sinh có nhu cầu đặc biệt (học sinh khuyết tật). Tham khảo thêm: <https://www.cast.org/>

³ Understood là một tổ chức phi lợi nhuận cung cấp các chương trình, nguồn lực để tiếp cận và một cộng đồng thấu hiểu để hỗ trợ các gia đình, các nhà giáo dục, thanh thiếu niên đang làm việc, chăm sóc, giảng dạy cho những người có nhu cầu đặc biệt. Tham khảo thêm: <https://www.understood.org/>

nghĩ về những thứ cản trở học sinh học tập. Thay vì nghĩ về những điều mà học sinh cần phải thay đổi, UDL nhìn vào môi trường học tập. Môi trường này có thể bao gồm những rào cản cho việc học, giống như thiết kế của mục tiêu chương trình học, đánh giá, phương pháp và các học liệu. Trong cách thức này, bản thân chính môi trường học tập có thể là “có khả năng” hoặc “không có khả năng”.

UDL trao cho bạn một khuôn khổ để đi theo, nhờ vậy bạn có thể hạn chế các rào cản học tập. Con đường chính để làm được điều này là chuẩn bị một môi trường học tập có những thứ mà học sinh cần để linh hoạt đạt tới mục tiêu của việc học.

UDL trong lớp học trông như thế nào?

Thiết kế phổ quát có thể được bắt gặp ở mọi nơi mà bạn nhìn vào - cả bên trong hay bên ngoài ngôi trường của bạn. Những bờ đường vỉa hè được thay đổi thành mặt phẳng nghiêng để tiếp cận tới nhiều người dùng nhất, bao gồm cả những người sử dụng xe lăn hay những người đẩy xe đẩy. Những phụ đề dưới màn hình giúp tivi trở nên dễ tiếp cận đối với những người khiếm thính, cũng giống như những người ở phòng gym hay những người bạn đời không thể thống nhất được rằng nên giữ hay tắt tivi vào buổi tối. Không có hai hình thức thiết kế phổ quát nào là giống nhau.

Thiết kế Phổ quát cho việc học trông khác nhau trong từng lớp học. Nhưng chúng có những điểm chung. Khi bắt đầu, luôn luôn là sự tập trung tạo dựng việc học tập chuyên nghiệp. Những yếu tố phổ biến khác của một trải nghiệm UDL bao gồm:

- Tất cả học sinh biết về mục tiêu
- Các lựa chọn linh hoạt, có chủ đích cho tất cả học sinh sử dụng
- Học sinh truy cập vào các nguồn tài nguyên ngay từ những bước đầu tiên của bài học.
- Học sinh xây dựng và nội hóa việc học của mình.

Trong một môi trường UDL, học sinh hiếm khi làm cùng một nhiệm vụ với cùng 1 cách thức trong cùng một thời điểm. Các tùy chọn linh hoạt sẽ khác biệt theo độ tuổi phát triển. Nhưng khuôn khổ để có những mục tiêu rõ ràng và các tùy chọn linh hoạt là nhất quán ở mọi cấp lớp hay các lĩnh vực nội dung.

Xem một video để thấy UDL trông như thế nào trong một lớp học (khối 5) với thầy giáo Eric Crouch: <https://youtu.be/B7qYJY62X2s>

3 nguyên tắc của UDL và làm sao để sử dụng chúng

UDL mô tả khả năng thay đổi của con người dựa trên các phần của não bộ quản lý những vấn đề của việc học như: “tại sao” (mạng lưới cảm xúc), “cái gì” (mạng lưới nhận biết) và “như thế nào” (mạng lưới chiến lược) [tức: Tại sao phải học? Học cái gì? Học như thế nào?]. Hãy xem như người đồng sáng lập CAST, David Rose giải thích lý do tại sao UDL lại nhấn mạnh đến tính thay đổi thay vì khuyết tật: <https://youtu.be/rIv6JJQOz64>

CAST đã phát triển bản hướng dẫn UDL⁴ dựa trên 3 nguyên tắc chính thống nhất với mạng lưới học tập. 3 nguyên tắc chính của UDL là: sự gắn kết [engagement], phương thức trình bày [representation], hành động và diễn đạt [action and expression].

Bảng dưới đây bao gồm 3 nguyên tắc của UDL đã được sửa đổi từ CAST. Nó đồng thời cũng cho bạn một vài câu hỏi để cân nhắc và liệt kê một số ví dụ thực tế của các nguyên tắc này. Bạn có thể in nó ra trong 1 trang giấy để có thể sử dụng nó khi bạn lên kế hoạch cho bài giảng, các hoạt động hay các nề nếp học tập cho học sinh của bạn.

4 Xem thêm tại: <https://udlguidelines.cast.org/>

Cung cấp đa phương tiện cho sự tham gia	
Làm thế nào để tôi có thể giúp tất cả học sinh của mình tham gia vào lớp học? - Tôi trao cho học sinh quyền lựa chọn và sự tự chủ bằng cách nào? - Làm thế nào để tôi khiến cho việc học tập phù hợp với nhu cầu và mong muốn của học sinh? - Bằng cách nào để lớp học của tôi chấp nhận và hỗ trợ tất cả các em học sinh?	Ví dụ: - Khảo sát học sinh về sở thích, điểm mạnh và nhu cầu của các em. Kết hợp những phát hiện này vào trong bài dạy. - Sử dụng bảng menu các lựa chọn và làm việc hướng tới mục tiêu. - Tuyên bố mục tiêu học tập thật rõ ràng và theo cách khiến nó trở nên phù hợp với học sinh.
Cung cấp đa phương tiện cho phương thức trình bày [thông tin]	
Làm thế nào để tôi có thể thể hiện các thông tin theo những cách tiếp cận tất cả những người học? - Liệu tôi đã cân nhắc tới các lựa chọn liên quan tới in ấn văn bản, tranh ảnh, bảng biểu được hiển thị? - Tôi cung cấp những lựa chọn nào cho học sinh cần hỗ trợ về đọc viết hay thính giác?	Ví dụ: - Điều chỉnh cỡ chữ, màu nền với công nghệ nhằm giúp nó trở nên dễ dàng hơn học sinh. - Cung cấp các tùy chọn để tương tác với văn bản, chẳng hạn như chuyển văn bản thành giọng nói, sách nói hoặc đọc cùng bạn.
Cung cấp đa phương tiện cho hành động và diễn giải [hiểu biết]	
Làm thế nào tôi có thể đưa ra những tùy chọn có mục đích cho học sinh để các em thể hiện những gì mình biết? - Khi nào thì tôi có thể dành những khoảng thời gian và nhịp độ linh hoạt cho học sinh? - Liệu tôi đã cân nhắc tới các cách thức khác, ngoài những nhiệm vụ trên giấy bút cho học sinh, để thể hiện những gì các em biết? - Tôi có đang cung cấp cho học sinh quyền truy cập vào công nghệ trợ giúp không?	Ví dụ: - Cung cấp lịch và danh sách đầu việc để giúp học sinh theo dõi các nhiệm vụ phụ nhằm đạt được mục tiêu học tập. - Cho phép học sinh thể hiện những gì các em biết thông qua nhiều định dạng khác nhau, chẳng hạn như bản trình bày áp phích hoặc một bản đồ. - Cung cấp cho học sinh quyền truy cập vào công nghệ trợ giúp phổ biến, chẳng hạn như chuyển giọng nói thành văn bản và chuyển văn bản thành giọng nói.

Kết nối gia đình

Các gia đình có lẽ không mấy quen thuộc với khái niệm học sinh là người tham gia tích cực vào việc thiết lập mục tiêu học tập của mình. Họ có lẽ sẽ thắc mắc về việc để học sinh đưa ra quyết định học tập cho chính bản thân mình.

Hãy giải thích vào đêm tựu trường hoặc trong email của lớp học rằng bạn sẽ sử dụng Thiết kế Phổ quát cho việc học. Bạn thậm chí có thể chia sẻ những bài báo dễ hiểu, thân thiện với các gia đình về cách dạy học theo hướng tiếp cận UDL.

Hãy đảm bảo với các gia đình rằng bạn có một kỳ vọng cao đối với tất cả các em học sinh, rằng các em sẽ trở thành những người học tập

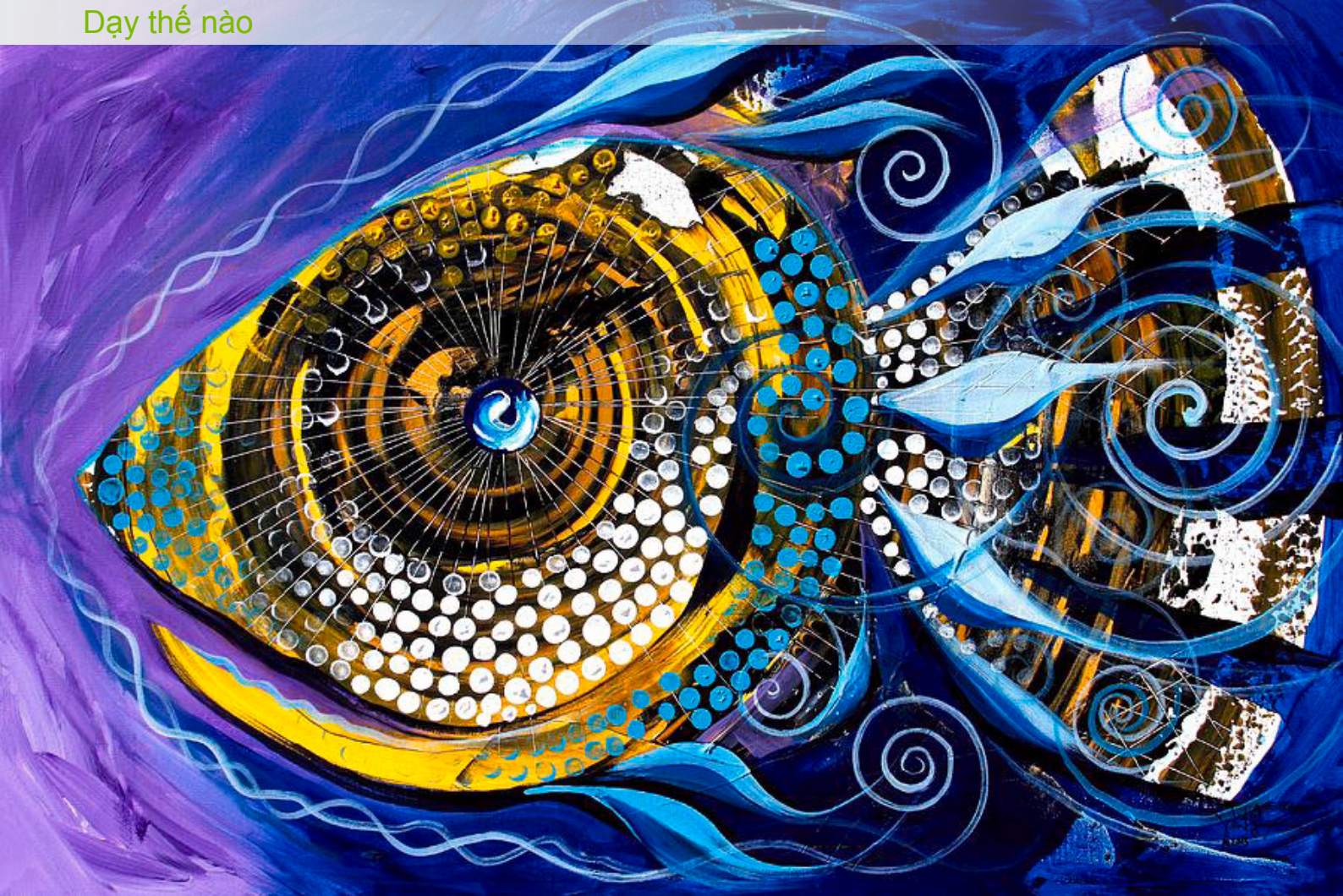
chuyên nghiệp trong lớp của bạn. Và hãy giải thích rằng bạn sẽ tiếp tục làm việc với học sinh, với gia đình để xây dựng các kỹ năng và sự chú tâm để biến điều này thành hiện thực.

Các tài nguyên CAST bổ sung để khám phá:

[Universal Design for Learning: Theory & Practice](#) của Anne Meyer, David H. Rose, & David Gordon

[UDL Now! A Teacher's Guide to Applying Universal Design for Learning in Today's Classrooms](#) của Katie Novak

[Let Them Thrive: A Playbook for Helping Your Child Succeed in School and in Life](#) của Katie Novak



DẠY VỀ CÂU HỎI THAY VÌ CÂU TRẢ LỜI

¹Kok-Sing Tang | Phương Thục dịch

Dường như trong thời buổi này, sự mất lòng tin vào lời khuyên chính thống về sức khỏe và việc tràn lan những phương pháp điều trị “thay thế” cho COVID-19 cũng đang trở nên đáng sợ như chính virus vậy. Làm thế nào mà rất nhiều người (và dường như họ cố tình lựa chọn để trở nên) thiếu hiểu biết về đại dịch này như thế, bất chấp chế độ giáo dục khoa học bắt buộc từ nhiều thập kỷ trước?

Dĩ nhiên chúng ta đang bước vào thời đại hậu-sự thật, nơi mà tin giả và đủ mọi loại thuyết âm mưu ồ ạt bùng nổ, trong khi những thông tin dữ kiện đã được khoa học chứng minh lại nhận về sự khinh rẻ.

¹ Nguồn: <https://theconversation.com/teach-questions-not-answers-science-literacy-is-a-crucial-skill-144731>

Tuy nhiên vấn đề sâu xa hơn nằm trong chính cách chúng ta giáo dục về khoa học. Khung chương trình học và giảng dạy vẫn đang được dẫn dắt bởi sự thông thạo về nội dung và các phương pháp tuyển sinh với tỷ lệ may rủi cao, điều này đã khiến nhiều người trẻ tỏ ra xa lánh với các ý tưởng khoa học.

Các học sinh được dạy về những sự thật một cách biệt lập và vô vị mà không hiểu về lịch sử cũng như quá trình mà các nhà khoa học tìm hiểu về những điều mà chúng ta được học như thế nào. Đó là hệ quả từ việc thiếu mất một sự giáo dục về năng lực khoa học.

Chương trình giáo dục nước Úc định nghĩa về năng lực khoa học là: “Một khả năng sử dụng kiến thức có nền tảng khoa học, sự hiểu biết và kỹ năng tìm hiểu để xác định các câu hỏi, lĩnh

hội kiến thức mới, giải thích một hiện tượng khoa học và đưa ra kết luận – dựa trên bằng chứng để hiểu thế giới này vận hành như thế nào, cũng như nhận ra tầm quan trọng của sự hiểu biết về khoa học trong việc giúp chúng ta đưa ra những quyết định có tính trách nhiệm và từ đó định hình cách chúng ta kiến giải thông tin.”

Mặc dù được tán dương như là mục tiêu của giáo dục, nhưng năng lực khoa học lại ít được nhấn mạnh tới trong quá trình học tập. Chúng ta cần phải làm nhiều hơn nữa để thúc đẩy nó trong các trường tiểu học và trung học.

Tại sao chỉ sự thật thôi là không đủ

Vấn đề mọi người không tin tưởng vào khoa học thì không mấy liên quan tới trí thông minh hay trình độ học vấn tổng thể của họ. Dẫu sao, một số người có học thức vẫn tin vào chuyện trái đất phẳng và sự biến đổi khí hậu vẫn còn đang gây tranh cãi.

Để khiến một người chấp nhận một ý kiến mới thì họ cần phải bước ra khỏi khối óc cố hữu và cân nhắc rộng hơn đến các yếu tố địa vị, văn hóa và cảm xúc của người đó.

Nhà tâm lý học xã hội người Mỹ Jonathan Haidt sử dụng sự tương đồng của thuyết “con voi và người cưỡi nó” để giải thích tại sao chúng ta lại tỏ ra chống đối tới những ý tưởng và niềm tin mới. Người cưỡi là mặt lý trí của tâm trí chúng ta, trong khi con voi là phần vô thức và cảm xúc. Để thay đổi quan điểm của một người, nếu chỉ tập trung tới người cưỡi mà không để tâm tới con voi thì cũng sẽ không mang lại tác dụng.

Khoa học có vô vàn những ý tưởng kỳ quặc mà đôi lúc nó cũng trái ngược với lẽ thường, như là vật chất được tạo nên từ các nguyên tử chuyển động hay thời gian thì mang tính tương đối. Giảng dạy về những ý tưởng đó như là những sự thật riêng lẻ giống như chỉ tập trung vào người cưỡi.

Nhiều nhà lý luận giáo dục từ lâu đã tranh cãi về ý kiến rằng kiến thức được “chuyển giao” từ các giáo viên và sách giáo khoa sang học viên bằng cách nào đó sẽ không vững chắc. Các học viên vẫn sẽ diễn giải nội dung họ được giảng dạy thông qua một khung khái niệm từ kiến thức và niềm tin mà họ đã có trước đó.

Nhiều năm nghiên cứu về khoa học giáo dục cho thấy rằng giảng dạy về những sự thật riêng biệt là chiến lược không có hiệu quả khi muốn thay đổi quan niệm sai lầm vốn đã ăn sâu vào tâm trí hay “những lý thuyết khác” của một người.

Một cách tiếp cận mới về giảng dạy năng lực khoa học

Các lý thuyết khoa học được xây dựng dựa trên những bằng chứng thông qua quá trình tranh luận. Mỗi sự thật và lý thuyết được dạy trong chương trình giáo dục nên được đặt nghi vấn và được kiểm chứng với bằng chứng rõ ràng. Các học sinh cũng nên quan sát kỹ càng hoặc tự mình thu thập các dữ liệu.

Có nhiều cách thực tế để chứng minh trái đất có hình tròn mà có thể được diễn tả trong một tiết ở lớp học. Ví dụ, một phòng học ở Perth có thể kết nối online với một phòng học khác ở Bali (2 địa điểm có cùng kinh độ) để cùng nhau đo bóng của một chiếc gậy dài 1 mét dưới nắng và sử dụng kết quả có được để tính ra chu vi của trái đất.

Không ngừng yêu cầu các học sinh đặt ra câu hỏi về mỗi sự thật vẫn sẽ tạo nên giá trị trọn đời về năng lực then chốt trong khoa học. Và cũng vô cùng quan trọng nếu lớp trẻ luôn luôn có khả năng đánh giá nguồn gốc của thông tin và phân biệt được những tuyên bố sai sự thật không có bằng chứng thực chứng, đơn cử như uống thuốc tẩy để trị virus corona.

Khoa học cũng nên được giảng dạy như một cuộc đối thoại trong một cộng đồng dân cư. Đây là

khía cạnh con người của khoa học nơi mà những ý tưởng được thảo luận, tranh luận và thương lượng trong quá trình tạo dựng nên một sự đồng thuận.

Tương tự như quá trình đó, các học sinh phải được trao thật nhiều cơ hội để luyện tập kỹ năng tranh luận có bằng chứng. Các lý thuyết ban đầu của các cá nhân về thế giới này nên được khơi gợi ra và đem so sánh với những lý thuyết khoa học đã được công nhận, để học sinh có thể thấy được giá trị và sự phù hợp một cách tương đối của chúng trong việc giải quyết một hiện tượng hoặc một vấn đề cụ thể.

Cảm xúc cũng chiếm một phần không nhỏ

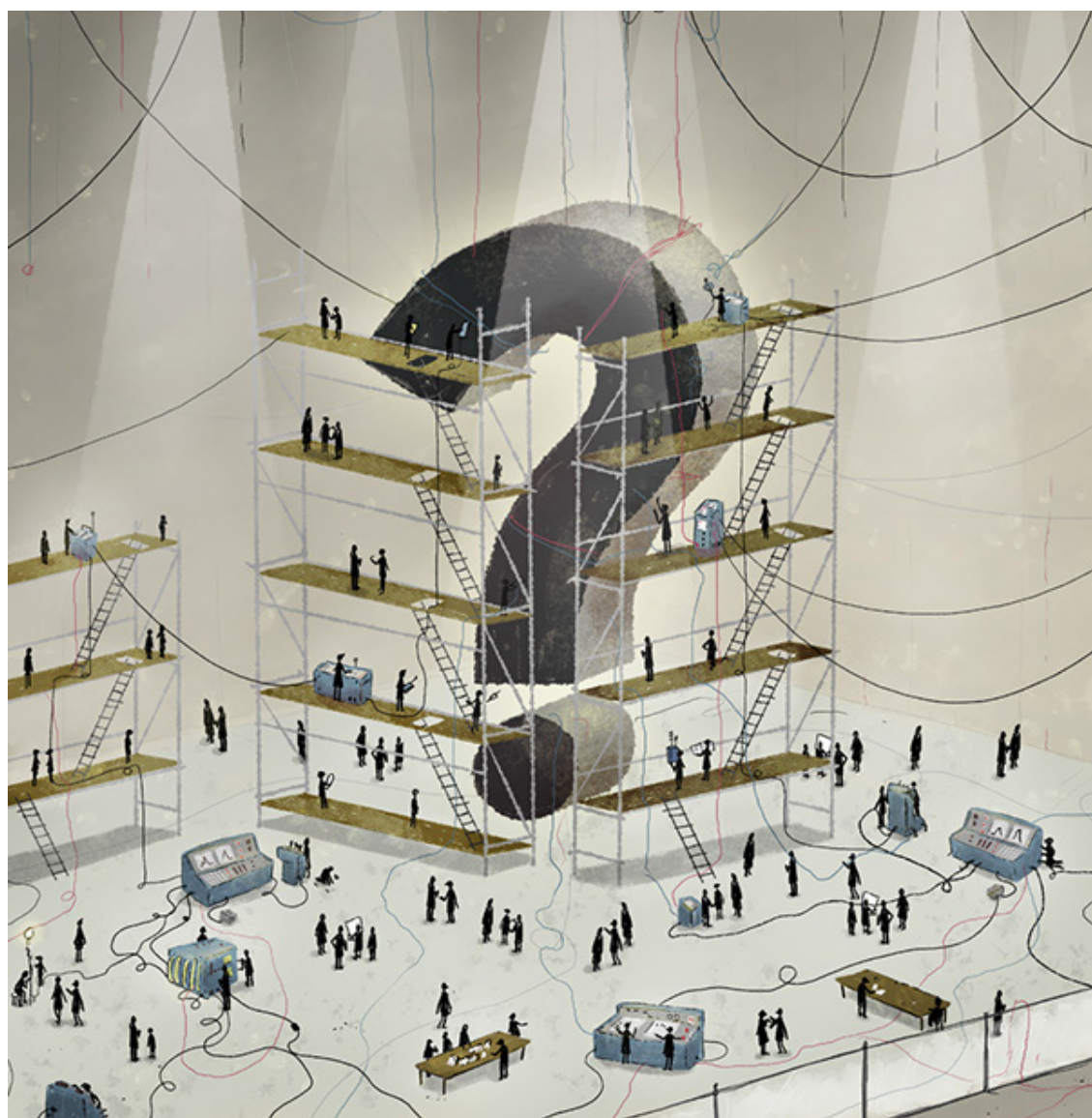
Và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, cảm xúc đóng vai trò lớn trong việc học về khoa học. Các vấn đề về khoa học đại diện cho các mối quan tâm xã hội (chẳng hạn như lệnh phong tỏa), và các vấn đề liên quan tới khoa học và công nghệ (mạng 5G) đều có thể châm ngòi cho cả một loạt các cung bậc cảm xúc ở mỗi học sinh.

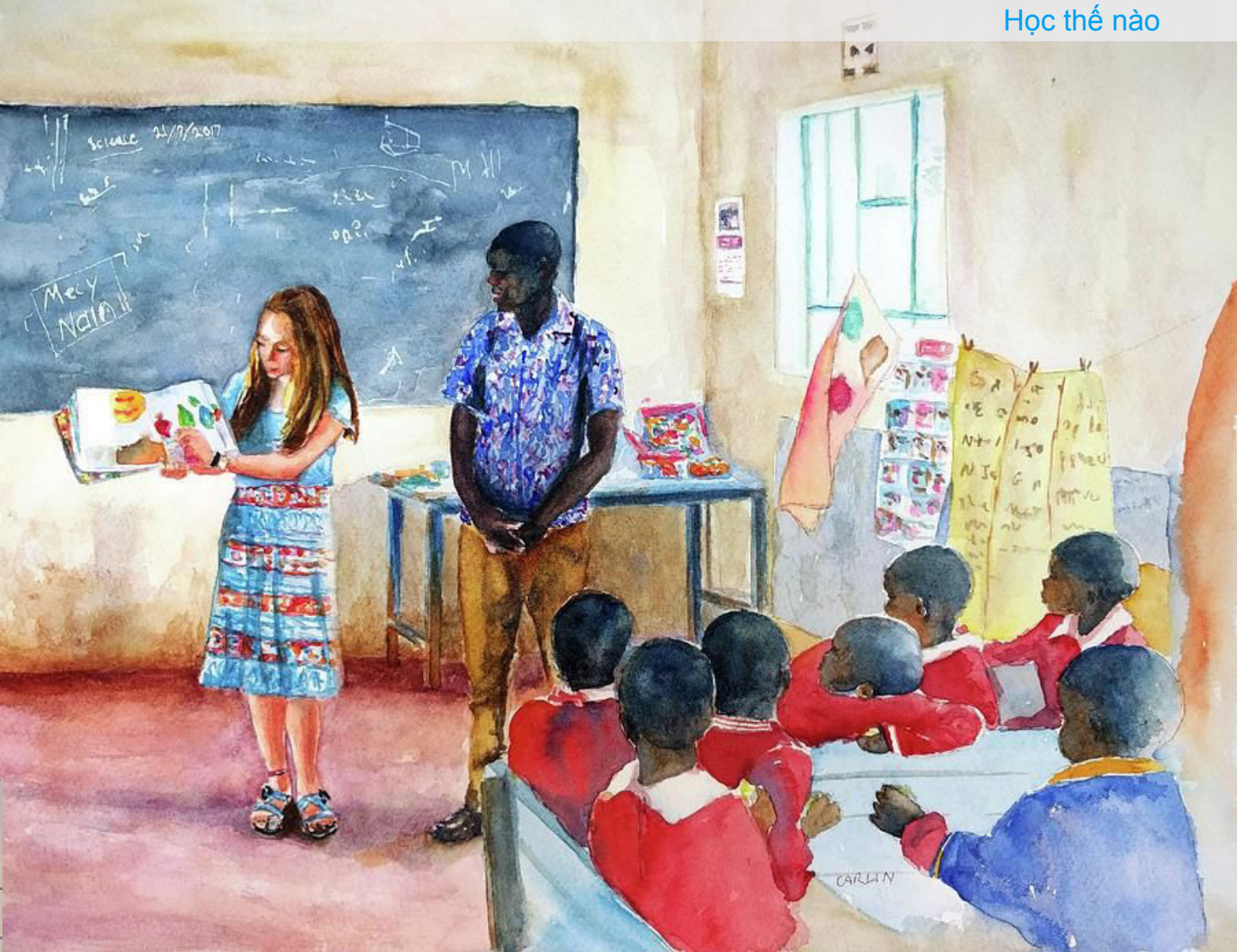
Điều quan trọng ở đây là phải ghi nhận các cảm xúc của học sinh khi chúng phải đối mặt với các vấn đề nhân cách và đạo đức trong các ý tưởng đó. Các vấn đề gây tranh cãi không chỉ cung cấp cho một bối cảnh đích thực để học hỏi, mà còn là những chủ đề

không thể thuận lợi hơn để tranh luận và phản biện qua lại.

Một vài nghiên cứu đã tìm ra rằng việc cho phép các học sinh biểu đạt những cảm xúc cá nhân trong các buổi học thông qua các lần tranh luận về các vấn đề xã hội dựa trên khoa học có thể giúp nâng cao sự đồng cảm và khuynh hướng của chúng về khoa học.

Mục tiêu về năng lực khoa học không phải một điều mới mẻ. Tuy nhiên, tình hình dịch COVID-19 bùng phát đã càng cho thấy sự quan trọng và cấp thiết hơn của nó. Năng lực khoa học giờ đây không còn chỉ là kỳ vọng giáo dục sẽ tốt nếu đạt được nữa, nó hiện tại là một mối quan tâm tức thời gây ảnh hưởng trực tiếp tới sự sống còn của chúng ta trong một xã hội hậu-sự thật như hiện tại.





HIỂU VỀ SỰ PHẠM THEO MỘT CÁCH ĐƠN GIẢN - KỲ 2

12 nguyên tắc về dạy và học mà các bậc phụ huynh nên biết.

¹Helen Hamlyn Centre for Pedagogy (HHCP) |
Giang Trần dịch

Nguyên tắc 7: Lập kế hoạch cho việc học là cần thiết và cần có mục tiêu cho việc học.

Trẻ em vốn dĩ rất tò mò nên rất nhiều điều mà trẻ học được đến từ những hoạt động và tương tác trong gia đình. Chúng ta có thể mở rộng việc

học của trẻ bằng cách lập kế hoạch cho việc học. Việc lập kế hoạch này cho phép cha mẹ chỉ cho trẻ những điều mà trẻ chưa biết và giúp trẻ mở rộng kiến thức về những điều mà trẻ hứng thú.

Ở mức độ cơ bản nhất, lập kế hoạch học tập chỉ đơn giản là suy nghĩ trước trẻ đã biết những gì, trẻ có thể học được điều gì thông qua những gì trẻ đã biết hoặc đã được trải nghiệm. Kế hoạch này không cần phải viết ra giấy nhưng nếu viết ra

1 Nguồn: <https://www.ucl.ac.uk/ioe/departments-and-centres/centres/helen-hamlyn-centre-pedagogy-0-11-years/pedagogy-plain-terms>

có thể giúp cha mẹ suy nghĩ kỹ hơn về những gì ba mẹ mong muốn con mình sẽ học được. Ví dụ, ghi chú đơn giản vào sổ, đây cũng có thể xem là một phần của nhật ký học tập.

Nguyên tắc 8. Điều chỉnh kế hoạch học tập linh hoạt như thay đổi hoạt động theo sở thích của trẻ hoặc tranh thủ giúp trẻ học thông qua những sự kiện xảy ra bất ngờ.

Mặc dù lập kế hoạch học tập là cần thiết, nhưng đôi khi việc đi lệch hướng kế hoạch cũng tốt và còn có lợi hơn. Hãy tưởng tượng bạn đã lên kế hoạch để trẻ vẽ một bức tranh về các đồ vật mà trẻ yêu thích. Nhưng sau đó có một cơn mưa rất to xuất hiện và đứa trẻ bị thu hút bởi những giọt mưa đang rơi xuống. Trong tình huống này, chúng ta có thể linh hoạt bằng cách thay vì yêu cầu vẽ các đồ vật, bạn có thể đề xuất trẻ hãy vẽ cơn mưa kia hoặc trẻ có thể làm các thí nghiệm để ước lượng xem mưa bao lâu thì nước mưa có để đổ đầy các bình chứa khác nhau.

Đôi khi trẻ sẽ thích tham gia vào những hoạt động không có trong kế hoạch của chúng ta, lúc này chúng ta có thể tạm quên kế hoạch của mình và cùng trẻ hòa mình vào hoạt động mới. Vào những thời điểm khác, việc học của trẻ sẽ là tốt nhất khi chúng ta giúp trẻ tập trung trở lại vào hoạt động hiện tại. Chúng ta hãy nhớ là trẻ có thể học thông qua các bài học đã được lên kế hoạch trước hoặc trẻ cũng có thể tự học. Ví dụ thông qua việc chơi đùa, trẻ có thể tự học được nhiều điều.

Nguyên tắc 9. Việc học không chỉ bao gồm học kiến thức mà còn là những kỹ năng, khả năng tư duy nhiều chiều và cảm xúc.

Chúng ta biết có những người biết rất nhiều thông tin, họ có thể trả lời các câu đố rất giỏi. Đó là một ví dụ về một “dạng” học tập. Một dạng học tập khác là kỹ năng.

Ví dụ, trẻ có thể biết đến xe đạp. Điều này thể hiện qua việc trẻ có thể liệt kê các bộ phận của

xe đạp như là: xe đạp có hai bánh, có phanh xe, có dây xích, có gương chiếu hậu,... nhưng không có nghĩa là trẻ có thể chạy xe đạp được. Chạy xe đạp có thể coi là một kỹ năng mà trẻ cần sự hướng dẫn từ người lớn. Để có thể chạy xe đạp, nó đòi hỏi trẻ giữ được thăng bằng, tự tin, giữ an toàn và có sự luyện tập.

Quá trình trẻ học chạy xe đạp mang lại những niềm vui và sự thỏa mãn. Đối với những người quan tâm đến xe đạp, việc học có thể dẫn dắt họ đến các cuộc thi hoặc là cơ khí và kỹ thuật. Học tập hiệu quả cần có sự cân bằng giữa sự phát triển khác biệt giữa kiến thức, kỹ năng và những hiểu biết khác.

Một khía cạnh quan trọng của kiến thức thực tế² là nó phụ thuộc vào quan điểm hay niềm tin của người học. Ví dụ: một số người không tin rằng biến đổi khí hậu là do hoạt động của con người gây ra nhưng hầu hết các nhà khoa học khí hậu hàng đầu thế giới lại tin là như vậy. Điều này làm dấy lên một câu hỏi về việc tin ai và tại sao chúng ta nên tin họ? “Sự thật, niềm tin và bằng chứng” là một mảnh đất màu mỡ khác trải khắp các chủ đề học tập.

Nguyên tắc 10. Các chủ đề học tập cần trải rộng vừa đủ và có cân bằng

Trẻ cần được làm quen với nhiều chủ đề học tập. Ở trường thì trẻ sẽ được làm quen với các môn học, các chủ đề học tập sẽ được tổ chức thành các cụm bài học. Các môn học như nhạc, kịch và nghệ thuật thị giác (chụp hình, vẽ, điêu khắc, .v.v) sẽ tạo cơ hội để trẻ được vui chơi, trình diễn, sáng tác, nhìn và nghe. Các môn học xã hội nhân văn sẽ tập trung nhiều và cách tư duy (như là

² Kiến thức thực tế - *factual knowledge*: Theo Krathwohl (2002), kiến thức có thể được phân thành bốn loại: (1) kiến thức thực tế - *factual knowledge*, (2) kiến thức khái niệm - *conceptual knowledge*, (3) kiến thức “quy trình” - *procedural Knowledge*, và (4) kiến thức siêu nhận thức *metacognitive knowledge* (chú thích của người dịch)

triết học), thời gian và địa điểm (lịch sử và địa lý), tôn giáo, văn học và thơ ca.

Toán học và khoa học thì tập trung vào các các giả thuyết, thử nghiệm và tìm kiếm giải thích về những điều thuộc về tự nhiên. Ngoài ra, những thứ nó không nằm gói gọn trong một môn học mà nó thể hiện trong nhiều môn học như là sự sáng tạo, sự hợp tác và ngôn ngữ.

Nguyên tắc 11. Trải nghiệm thực tế mang lại hiệu quả cho việc học.

Thông thường việc học qua các trải nghiệm thực tế sẽ hiệu quả hơn là chỉ học qua nói và nghĩ về chủ đề học tập đó.

Chúng ta hãy cùng lấy ví dụ về âm nhạc, việc nghe các loại bài hát pop khác nhau sẽ rất thú vị và bạn có thể tìm hiểu về lời bài hát, ban nhạc và các yếu tố của âm nhạc như các loại nhạc cụ . Tuy nhiên, nghe nhạc thì thụ động hơn so với việc “làm” nhạc. Thay vì chỉ nghe nhạc, trẻ có thể học qua thực hành bằng cách “làm” nhạc như tập hát một bài hát sau đó ghi âm lại, nghe lại bài hát đã được ghi âm và thảo luận về bài hát đó.

Nếu có nhạc cụ trong nhà, trẻ có thể thử học chơi nhạc cụ đó. Nếu không, trẻ có thể tạo ra các âm thanh đơn giản bằng giọng nói của chính mình hoặc vỗ tay hay là vỗ vào các dụng cụ như ly, chảo và chuông gió. Khi trẻ bắt đầu tạo ra một chuỗi các âm thanh, thì lúc đó trẻ cũng đang bắt đầu sáng tác nhạc. Bạn có thể khuyến khích trẻ ghi lại đoạn nhạc đó trong sổ tay âm nhạc của mình.

Nguyên tắc 12. Các tài nguyên học tập³ như máy tính chỉ có thể phát huy tác dụng trong việc học tập nếu có các nguyên tắc sư phạm phù hợp.

Học tập đòi hỏi phải có phương tiện đi kèm. Học vẫn cần sách. Tìm hiểu về khủng long thì cần có thông tin, hình ảnh và văn bản về khủng long.

Học viết cần có giấy và bút.

Tất cả những điều trên có thể được hỗ trợ hoặc bị cản trở bởi các thiết bị kỹ thuật số như là máy tính. Nhưng không chỉ các tài nguyên mới đóng vai trò quan trọng, mà phương pháp sư phạm hay nói cách khác sự tương tác giữa người học và người làm giáo dục⁴ mới là điều quan trọng. Chỉ khi có phương pháp sư phạm tốt thì bất kỳ tài nguyên học tập nào cũng phát huy hết tiềm năng của nó để giúp ích cho việc học.

⁴ Người làm giáo dục: giáo viên, phụ huynh, .v.v.

³ Tài nguyên học tập bao gồm: máy tính, sách vở, phần mềm .v.v.



**TRẺ SẼ HỌC TẬP TỐT HƠN NẾU
KHÔNG PHẢI NGỒI YÊN MỘT CHỖ**

¹*Những bài thể dục ngắn trong giờ có thể sẽ nâng cao hiệu quả học tập của trẻ*

Christopher Bergland | Quốc Việt dịch

Theo một đánh giá phân tích tổng hợp quốc tế mới đây, trẻ em ở độ tuổi đi học có thực hiện hoạt động thể chất ngắn trong lớp học như: bật nhảy kết hợp dang tay, chân, nhảy cao, chạy bộ tại chỗ,... sẽ học tập tốt hơn các bạn cùng trang lứa nhưng ít vận động hơn.

[Emma Norris](#) từ Đại Học College London đã dẫn dắt cuộc nghiên cứu này với sự phối hợp của một nhóm các đồng nghiệp liên ngành. [Những phát hiện](#) đó đã được xuất bản trên Tạp chí Y học Thể thao Anh vào ngày 16 tháng 10 năm 2019.

Các tác giả của nghiên cứu cho hay: “Đánh giá này cung cấp phân tích-tổng hợp đầu tiên về tác động của các bài học hoạt động thể chất đối với thời gian học và hoạt động Thể chất tổng thể (physical activity), cũng như sức khỏe, [nhân thức](#), và kết quả giáo dục.”

Khoảng một nửa trong số 42 nghiên cứu được xem xét cho nghiên cứu phân tích-tổng hợp này được thực hiện ở Mỹ. Một số nghiên cứu khác về các lợi ích liên quan đến việc xen kẽ hoạt động thể chất vào học tập cho học sinh từ 3 đến 14 tuổi được thực hiện tại Úc, Trung Quốc, Croatia, Ireland, Israel, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Thụy Điển và Vương quốc Anh.

Các chương trình rèn luyện thể chất trong lớp học đều có lợi cho cả học sinh và các nhà giáo dục, bởi vì các hoạt động đó tạo tiền đề cho kết quả học tập tốt hơn mà không phải giảm thời gian học tập trong trên lớp.

Bài học chính từ nghiên cứu phân tích-tổng hợp

¹ Nguồn: <https://www.psychologytoday.com/intl/blog/the-athletes-way/201910/kids-who-arent-glued-their-classroom-chairs-learn-better>

này là: việc đưa hoạt động thể chất vào các tiết học trong nhà trường sẽ dẫn tới điểm kiểm tra tốt hơn, thay vì chỉ để học sinh ngồi yên trong lớp.

Sau khi xem xét dữ liệu từ hàng chục nghiên cứu được với sự tham gia của 12.633 trẻ em trong độ tuổi đi học, các nhà nghiên cứu đã kết luận rằng “việc kết hợp hoạt động thể chất có ảnh hưởng lớn và đáng kể đến kết quả giáo dục trong giờ học, chúng được đánh giá qua các bài kiểm tra hoặc bằng phương pháp quan sát [sự tập trung](#) của học sinh đối với một nhiệm vụ được giao.”

Trong một thông cáo qua tạp chí, Emma Norris, tác giả chính của [UCL Centre for Behaviour Change](#) cho biết: “Yếu tố lớn nhất dẫn đến đời sống ít vận động của trẻ em là do 7 hoặc 8 giờ mỗi ngày chỉ ở lì trong lớp học. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy rằng các bài hoạt động thể chất là một phần bổ sung hữu ích cho chương trình học. Các bài học này có thể tạo ra một trải nghiệm học tập đáng nhớ, giúp trẻ học tập hiệu quả hơn.”

Đồng tác giả [Tommy van Steen](#) của Đại học Leiden, Hà Lan cho biết thêm: “Những cải thiện về mức độ hoạt động thể chất và các thành quả giáo dục là kết quả từ những bài tập thể chất khá cơ bản. Giáo viên có thể dễ dàng kết hợp các bài tập thể chất này vào chương trình học hiện hành để giúp trải nghiệm học tập của học sinh được tốt hơn.”

Trong phần cuối của bài viết, các tác giả đã viết: “Ở các cơ sở tiểu học và mầm non, khi các bài giảng có đi kèm hoạt động thể chất được thêm vào chương trình giảng dạy, chúng đem lại tác động tích cực đến cả hoạt động thể chất và kết quả giáo dục. Những phát hiện này sẽ hỗ trợ các sáng kiến giúp khuyến khích việc tích hợp các bài giảng có kèm các hoạt động thể chất được dạy ở các cơ sở tiểu học và mầm non.”

Aristotle đã đúng: Học kiểu lưu động giúp trí não tiếp thu thông tin.

Nhiều thế kỷ trước, ở Hy Lạp cổ đại, Aristotle (384–322 TCN) dường như đã lĩnh hội được tầm quan trọng của việc di chuyển cơ thể trong lúc học. Thay vì chỉ để các học sinh của mình (chẳng hạn như Plato) ngồi yên trong các lớp học ở Lyceum, Aristotle thích dạy cả lớp mình trong khi mọi người cùng đang đi bộ.

Lyceum là một ngôi trường kiểu Peripatetic. “Peripatetic” có nguồn gốc từ một từ tiếng Hy Lạp cổ là peripatētikós, có nghĩa là “đi bộ” hay “cho phép dạo quanh”.

Giống như nhiều đứa trẻ hiếu động và tràn đầy năng lượng khác, tôi từng luôn được yêu cầu phải “Ngồi yên xuống và đừng di chuyển nữa!” bởi các giáo viên mẫu giáo và tiểu học của tôi. Lúc ấy, trường học của tôi có một loạt những cái ghế gấp liền bàn cho mỗi học sinh, để ngồi vào ghế của mình thì học sinh phải tiếp cận từ cạnh bên và chúng phải bất động ở một vị trí cố định đó suốt cả tiết học. Đối với tôi, những chiếc ghế liền bàn tù túng đầy giống như một thiết bị tra tấn thời Trung cổ, được đặc biệt thiết kế để khiến người dùng nó không thể cử động và cảm thấy như bị mắc kẹt trong một chiếc áo bó cho bệnh nhân tâm thần.

Phản ứng của tôi khi bị hạn chế về mặt thể chất là trở thành kẻ mơ mộng giữa ban ngày, và tự tiêu khiển bằng cách thêm các hiệu ứng âm thanh được lấy cảm hứng từ Charlie Brown² vào giọng nói của bất kỳ giáo viên độc tài nào đang giảng bài. Xem đoạn phim hoạt hình (ở trên) khiến tôi nhớ lại cảm giác bị ép phải ngồi yên khi còn học tiểu học vào đầu những năm 1970. Cá nhân tôi thực sự chỉ học được rất ít trong môi trường dạy học kiểu “chống lưu động” này.

May mắn thay là vào cuối những năm 1970, khi tôi học lớp bảy, gia đình tôi chuyển đến sống ở Brookline, bang Massachusetts, và họ đăng ký cho tôi học tại trường trung học “The Park School” - một trường tư thục ngoại trú ngay bên ngoài Boston. Học sinh tại trường Park không bị bó buộc phải ngồi yên mọi lúc, chúng tôi được khuyến khích vận động cơ thể và dành nhiều thời gian ra ngoài khám phá thiên nhiên như một phần của chương trình học.



Ảnh chụp từ trên không khuôn viên Trường Park ở Brookline, MA

Nguồn: Kate Lapine/Wikipedia Commons

Hiệu trưởng của Trường Park trong khoảng thời gian đó, thầy Bob Hurlbut, Jr., là một người có tầm nhìn xa, ông là người đã thúc đẩy nền giáo dục “không có ranh giới” và đã làm việc với các kiến trúc sư của trường để thiết kế các phòng học không có vách tường. Cũng giống như Lyceum, khuôn viên rộng 34 mẫu Anh (khoảng 13,7 ha) của trường Park có một “Vườn Học Tập Ngoài Trời”, và nó được bao quanh bởi không gian xanh với các lối đi bộ, phòng tập thể dục, hồ bơi và sân chơi.

Tất nhiên, học phí của các trường tư thục rất đắt và nhiều gia đình không có đủ khả năng tài chính để chi trả. Do đó, các nhà hoạch định chính sách ở cấp địa phương, tiểu bang và liên bang phải hiểu được tầm quan trọng của việc cam kết cung cấp các nguồn lực của trường công cho việc học tập “có lưu động” hơn.

² <https://www.youtube.com/watch?v=ss2hULhX-f04&feature=youtu.be>

Trong vài năm qua, hàng chục nghiên cứu đã chỉ ra rằng hoạt động thể chất và tích hợp các chuyển động toàn thân vào việc học trên lớp sẽ giúp học sinh tập trung, ghi nhớ thông tin và đạt điểm cao hơn trong các bài kiểm tra. Nghiên cứu phân tích-tổng hợp mới nhất của Norris cùng các đồng nghiệp (2019) cung cấp toàn bộ các tài liệu tham khảo cho bằng chứng thực nghiệm, càng khẳng định thêm tầm quan trọng của các

bài giảng có đi kèm hoạt động thể chất trong lớp học

Hy vọng rằng những ngày tháng ép buộc bọn trẻ phải ngồi yên trong giờ học đã qua. Ngoài việc khuyến khích tập thể dục trước/sau tiết học và trong giờ ra chơi, việc bổ sung các bài học hoạt động thể chất ngắn trong lớp học có vẻ như sẽ tạo điều kiện để giúp các em học tập tốt hơn.





SỰ KHÁC BIỆT GIỮA KỶ LUẬT VÀ TRỪNG PHẠT?

¹ Amanda Morin | Khuất Tuấn dịch

Kỷ luật và trừng phạt có giống nhau không? Mọi người thường sử dụng các thuật ngữ này thay thế cho nhau, tuy vậy giữa chúng lại có sự khác biệt.

Kỷ luật là cách để dạy những đứa trẻ tuân theo các quy định hoặc sửa chữa các hành vi sai trái. Có kỷ luật tiêu cực và kỷ luật tích cực.

Hình phạt là một hình thức của kỷ luật tiêu cực. Nó thường được sử dụng nhằm loại bỏ hoặc kết thúc 1 hành vi không mong đợi. Kỷ luật tích cực, thứ đôi khi được hiểu là hệ quả nhằm để sửa chữa [corrective consequences] hành vi hoặc

¹ Nguồn: https://www.understood.org/en/school-learning/for-educators/classroom-management/the-difference-between-discipline-and-punishment?_ul=1*1e3qhb1*domain_userid*YW1wLXpDSk5HZzhLcn-hIZWZZd1JJLV05THc.

là các hướng dẫn mang tính tích cực [positive guidance], cũng diễn ra nhanh. Và nó có thể hiệu quả hơn là sự trừng phạt.

Khi đứa trẻ khiến cho bạn căng thẳng hoặc không tuân thủ theo các quy tắc của bạn, bạn có thể nhanh chóng đưa ra cho chúng một hệ quả làm cho chúng khó chịu để dừng lại hành vi mà chúng đang làm. Đó là phản ứng phổ biến khi bạn cảm thấy thất vọng, tức giận hoặc đơn giản là chán nản. Nhưng nó không có khả năng giúp đứa trẻ thay đổi hành vi về lâu dài.

Hãy xem xét tình huống sau: Sandra và Javier đã tranh cãi về hộp bút chì màu suốt cả buổi chiều. Một trong hai đứa đã đẩy người kia và chúng bắt đầu tranh cãi. Bạn có thể nói rằng: “Hai em, dừng lại. Hôm nay, hai em sẽ không được phép ra ngoài”.

Đó là sự trừng phạt. Nó có thể giúp dừng lại hành vi này ngay tức khắc nhưng không dạy được cho Sandra và Javier kỹ năng mà chúng cần để đưa ra một quyết định tốt hơn cho lần tranh cãi tới.

Khi bạn sử dụng kỷ luật tích cực, bạn có thể nói: “Đưa cô hộp bút chì màu đó. *Không bạn nào có thể sử dụng nó ngay bây giờ. Sandra, hãy hít thở sâu nào em. Bây giờ hãy sử dụng câu mà chúng ta đã luyện tập ngày hôm qua để cho Javier biết tại sao em lại giận dữ.*” Bạn có thể vẫn cảm thấy khó chịu và bức bối. Nhưng bạn biết rằng bạn đang chuẩn bị cho một kết quả tốt hơn cho lần tới.

Kỷ luật tích cực không khuyến khích hành vi. Nhưng nó dạy cho trẻ những kỳ vọng và tinh thần trách nhiệm của mình. Nó cũng giúp những đứa trẻ nhìn thấy mối liên hệ giữa những gì chúng làm và những gì xảy ra tiếp theo – hệ quả tự nhiên và hệ quả logic.

Tìm hiểu thêm về sự trừng phạt và kỷ luật.



	Kỷ luật tiêu cực/ Hình phạt	Kỷ luật tích cực/ Hệ quả nhằm sửa lỗi
Cách tiếp cận	● Bị động: Xử lý tình huống mang tính thời điểm	● Chủ động: Xử lý tình huống mang tính thời điểm và dạy trẻ em những kỹ năng cho tương lai
Nó là gì?	● Hình phạt cho việc làm sai. Nó cố gắng thay đổi hành vi về sau của trẻ bằng các khiến trẻ phải “trả giá” cho những hành vi sai trái đã làm.	● Một hệ quả tự nhiên và logic cho những hành vi sai trái. Mục đích của nó nhằm thay đổi cách cư xử về sau của đứa trẻ bằng cách giúp chúng học từ sai lầm.
Điểm trọng tâm	● Cho phép bạn kiểm soát hành vi của trẻ và đưa ra hệ quả cho quyết định của chúng.	● Cho phép trẻ kiểm soát hành vi và các quyết định của mình bằng cách dạy trẻ những kỹ năng mới như: tự kiểm soát và tự điều chỉnh.
Quan điểm	● Giả định rằng hành vi đó hoàn toàn là điều “sai trái” hay “xấu xí” (mà không cố gắng đi tìm hiểu nguyên nhân, động cơ,...). ● Cung cấp ít sự trợ giúp để tìm hiểu cách cư xử khác đi trong tương lai	● Giả định rằng hành vi là một hình thức giao tiếp. ● Cung cấp sự trợ giúp cho trẻ học được cách cư xử khác đi trong tương lai

Nó như thế nào?	Những hệ quả không liên quan trực tiếp tới những gì đang diễn ra, chẳng hạn như tước đi những đặc quyền quyền hoặc đồ dùng, yêu cầu trẻ làm một nhiệm vụ khó chịu hoặc đẩy thêm các trách nhiệm, đưa thêm các đầu việc hoặc thậm chí, trừng phạt liên quan tới thân thể ở nhà. (Các nghiên cứu² cho thấy rằng sự trừng phạt liên quan tới thân thể có thể làm tăng sự hung hăng và các hành vi tiêu cực khác).	- Hệ quả phải đảm bảo 3 chữ R: hợp lý [reasonable], liên quan tới vấn đề [related to the problem] và là kết quả từ chính hành vi hay hành động [resulting from the behavior or action]. - Hệ quả tự nhiên là kết quả tất yếu và không tránh khỏi từ một hành động. - Hệ quả logic cũng liên quan tới hành động. Nhưng chúng sẽ được sử dụng khi bạn can thiệp bởi vì hành động này có thể khiến ai đó bị thương hoặc bị thiệt hại.
Một vài ví dụ về các loại hệ quả	<i>Hệ quả tiêu cực:</i> - Sandra đang trò chuyện với bạn của mình trong khung giờ đọc sách tĩnh, do vậy, cô giáo đã giao thêm bài về nhà môn Toán. - Javier trượt ván trên đường khi cậu ấy không được cho phép. Và cậu ấy đã phải làm thêm phần việc nhà của anh trai mình trong một tuần.	<i>Hệ quả tự nhiên:</i> - Sandra đang trò chuyện với bạn của mình trong khung giờ đọc sách tĩnh, do vậy cô ấy phải tiếp tục đọc cuốn sách của mình. Cô ấy sẽ bị bỏ lỡ chương trình TV yêu thích của cô ấy ở nhà bởi vì cô ấy đã đọc lâu hơn so với bình thường. <i>Hệ quả logic:</i> - Javier trượt ván trên đường khi cậu ấy không được cho phép. Bạn chỉ ra rằng cậu ấy đã lựa chọn không tuân thủ theo các quy ước, do vậy cậu ấy sẽ không được cho phép sử dụng ván trượt trong ngày nữa.
Những đứa trẻ học được gì?	Thông điệp là “Bạn cần phải dừng lại hành vi đó, nó sai”. Trẻ học được: - Trẻ không thể học được cách kiểm soát hành động của mình. - Hành vi của các em cần được quản lý bởi bạn. - Cần thận để không bị bắt gặp còn quan trọng hơn là thay đổi những gì các em đang làm.	Thông điệp là “Đây là những gì bạn có thể hoặc nên làm để thay thế.”. Trẻ học được: - Trẻ có thể kiểm soát hành động của mình. - Trẻ có thể tự quản lý hành vi của mình thông qua quá trình tự kiểm soát. - Trẻ cần thay đổi hành vi của mình nhằm tránh phải đối mặt với những hậu quả.
Kết quả	- Lòng tự trọng bị giảm đi - Tăng thêm những cuộc tranh cãi liên quan tới quyền lực - Sự sợ hãi và oán giận giữa hai bạn - Làm giảm thành tích học tập	- Tăng thêm lòng tự trọng - Làm giảm đi các cuộc tranh cãi liên quan tới quyền lực - Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bạn - Làm tăng thành tích học tập

Không phải bạn lúc nào cũng luôn luôn tiếp cận được các hành vi theo cách mình mong muốn, đặc biệt là trong những thời điểm căng thẳng. Nhưng bạn có thể lựa chọn cách thay đổi chúng, ở trường cũng như ở nhà. Đọc câu chuyện của một gia đình đã tìm được đúng hướng đi như thế nào sau nhiều năm quản lý một cách sai lầm (link <https://bom.to/UKG8uYaH>). Tìm hiểu thêm các hướng dẫn để hiểu rằng các hành vi là một hình thức giao tiếp quan trọng (link <https://bom.to/Ckzns3zF>).

2 Tìm hiểu thêm tại: <https://www.msd.govt.nz/about-msd-and-our-work/publications-resources/journals-and-magazines/social-policy-journal/spj27/the-state-of-research-on-effects-of-physical-punishment-27-pages114-127.htm-l#LongTermEffects6>



XÂY DỰNG NHỮNG MỐI LIÊN HỆ THÔNG QUA NHỮNG BỨC THƯ TAY

¹Shveta Miller² | Nguyễn Tiến Đạt dịch

Tương tác với học sinh thông qua thư tay là một cách tốt để giáo viên bồi dưỡng sự tin tưởng ở bất kỳ thời điểm nào - đặc biệt trong thời điểm mà ai cũng phải cách xa nhau.

Với việc dạy học từ xa gần như sẽ tiếp tục trong năm học tới đây, chúng ta cần những phương

thức đơn giản để xây dựng mối liên hệ với những học sinh không thể tiếp cận công nghệ. Giao tiếp liên tục bằng thư tay, gửi qua đường bưu điện là một cách thức như vậy, và đó cũng là một phương thức mạnh mẽ để xây dựng sự tin tưởng thân thuộc với học sinh. Zaretta Hammond giải thích rằng sự tin tưởng đó là nền tảng để giảng dạy đáp ứng văn hóa có thể thay đổi tình hình học tập kể cả đối với những học sinh dễ bị tổn thương nhất.

Năm đầu tiên trong lớp học, tôi thấy một bạn học sinh cá biệt chuyển một mẫu giấy cho một người bạn trong lớp. Tôi đã suy nghĩ về việc tịch thu nó tương tự như giáo viên của tôi đã làm. Nhưng thay vì vậy, tôi đã viết cho bạn học sinh ấy vài lời nhắn nhủ một mẫu giấy vào ngày hôm sau. Bạn nữ đó đã viết thư trả lời, và chúng tôi đã tiếp tục viết thư cho nhau cả năm học đó, sự tương tác của cô ấy trong lớp học tăng lên cùng với mối

¹ Nguồn: <https://www.edutopia.org/article/building-relationships-through-letter-writing>

² Shveta Miller đã dạy Tiếng Anh được 15 năm trong các trường công tại Mỹ và nước ngoài. Hiện tại cô ấy giúp đỡ những giáo viên và những học sinh với vai trò là huấn luyện viên hướng dẫn cho một trường cấp quận tại Oregon. Cô ấy đã dành ra bốn năm với tư cách là chuyên gia tư vấn phát triển năng lực đọc - viết cho công ty ed tech, đào tạo và hướng dẫn giáo viên để đảm bảo phần mềm và chương trình của họ cung cấp trải nghiệm học tập có ý nghĩa cho học sinh. Qua những cảm xúc khó tả đến từ những bức thư cảm ơn từ học trò cũ, cô ấy thấy được sự ghi nhận đặc biệt đến tác động quá trình học tập của học sinh trên quy mô lớn thông qua việc huấn luyện kết hợp với các giáo viên. Cuốn sách của cô ấy về tiểu thuyết dạy học (dạng tranh ảnh) sẽ được xuất bản bởi nhà xuất bản Times 10 trong năm 2021.

liên hệ của chúng tôi. Viết thư đã trở thành công cụ thiết yếu nhất của tôi để đạt được sự tin tưởng của học sinh.

Khi chúng tôi viết thư cho học sinh với tư cách là giáo viên và các em viết thư trả lời lại, chúng tôi cân bằng sự ảnh hưởng (trên vai trò của giáo viên và học sinh), học hỏi lẫn nhau, luyện tập giữ khoảng cách cho những cảm xúc phức tạp và tiếp cận bản năng tò mò của chúng ta với vai trò là người đọc và người viết. Dưới đây là một vài gợi ý để viết được những bức thư có nghĩa cho học sinh.

PHẦN MỞ ĐẦU CỦA BỨC THƯ

Để khuyến khích giao tiếp xác thực tức là cân bằng sự ảnh hưởng, hãy loại bỏ những nghĩa vụ và những kì vọng mà những học sinh tham gia. Giữ những lá thư trở nên bình thường và tuyên bố rằng những quy ước khi viết thư và nội dung sẽ không bị đánh giá.

Thông báo với gia đình, có lẽ bằng một lá thư riêng, rằng bạn đang bắt đầu một cuộc hội thoại với học sinh thông qua một bức thư riêng. Nhắc nhở những phụ huynh và học sinh rằng bạn sẽ tôn trọng sự riêng tư của họ - nhưng bạn vẫn là phóng viên được uỷ quyền.

Giữ sợi dây giao tiếp theo hướng mở và linh hoạt bằng cách tránh những sự gò bó bởi thời hạn và giới hạn số trang giấy. Hãy thông báo rằng học sinh có thể bắt đầu những chủ đề mới mà không cần tiếp tục chủ đề khởi xướng bởi giáo viên.

Viết bức thư đầu tiên cho những học sinh của bạn (bạn có thể bắt đầu với một vài học sinh trong một tuần), coi đó như một ví dụ hữu ích cho những học sinh cảm thấy khó khăn với cách thức có lẽ là không quen thuộc này. Đặt những học sinh trong trạng thái thoải mái bằng cách sử dụng giọng điệu thân thuộc, chia sẻ những

mẫu chuyện phiếm của bản thân, và kể cả những câu chuyện hài hước hoặc những nét vẽ vui nhộn. Quy ước viết thư kiểu mẫu như là đặt lịch hẹn và ký tên vào bức thư.

VIẾT NHỮNG BỨC THƯ CỦA BẠN

Tôi thường thêm gia vị vào những bức thư của mình với những câu hỏi và chủ đề gợi ý để kích thích học sinh phản hồi. Nhưng cách tiếp cận này duy trì cấu trúc vai trò (của giáo viên và học sinh) truyền thống trong giao tiếp lớp học, trong đó giáo viên thiết lập cơ sở của cuộc hội thoại. Qua thời gian, tôi đã học được cách tạo ra một khoảng trống an toàn nhằm khuyến khích các cuộc hội thoại chân thật.

Tham gia vào cuộc trò chuyện thay vì điều khiển

nó: Nếu tôi biết một học sinh chơi đàn vĩ cầm, tôi sẽ không trực tiếp hỏi cậu ý về điều đó. Thay vào đó, tôi viết về những trải nghiệm của mình có liên quan đến chủ đề đó. Ví dụ, trong khoảng thời gian rảnh rỗi, tôi thường tự nhủ mình sẽ kiên định học cách chơi chiếc đàn ghi-ta của mình. Tôi đang nghĩ đến việc thử tìm kiếm những video trên Youtube, nhưng tôi lo rằng mình không có đủ nghiêm khắc để tự luyện tập nếu không có giáo viên. Bằng cách chia sẻ những suy nghĩ đó, tôi mở ra những con đường trong giao tiếp. Học sinh của tôi được tự do bắt đầu chủ đề này và phản hồi bằng nhiều cách khác nhau, thay vì chỉ trả lời những câu hỏi cụ thể của tôi về đàn vĩ cầm. Có lẽ cậu ấy sẽ không nhắc một chút nào đến cây đàn của mình và thay vào đó lựa chọn để nói về YouTube, miêu tả cậu ấy thường làm gì trong thời gian rảnh, hoặc xoa dịu những lo lắng của tôi về việc học nhạc cụ có dây.

Đặt những câu hỏi xuất phát từ sự tò mò về những chủ đề mà học sinh khởi xướng: Những câu hỏi - bắt đầu từ những điều học sinh lựa chọn để chia sẻ với chúng ta, mời chúng ta thể hiện sự tò mò thực sự - đòi hỏi những góc nhìn độc đáo của

chúng ta, và đưa ra những từ mới, ý tưởng mới nhằm thăm dò nhằm suy nghĩ của học sinh. Khi đã nhìn thấu được kho tàng tri thức độc đáo của học sinh, chúng ta có thể nhìn thấy những vốn học thuật của các em. Chúng ta có thể sử dụng sự thấu hiểu đó để lên kế hoạch hướng dẫn dựa trên những gì học sinh đã biết.

Làm cho suy nghĩ của bạn trở nên hiện hữu: Khi một người trẻ có cái nhìn thoáng qua về đời sống suy nghĩ của người khác, đặc biệt là ai đó nghĩ một cách thú vị và hữu ích, đó là kiểu giáo dục tốt nhất. Khi một học sinh gợi ý một ứng dụng, tôi nên tải xuống, tôi trung thực về việc tôi đã cố gắng giảm sự phụ thuộc vào điện thoại như thế nào kể từ khi tôi nghiện một số trò chơi mà tôi đã chơi. Tôi thêm vào rằng tôi đang cố để không sử dụng điện thoại sau 6 giờ tối, và tôi sẽ để cho cô ấy biết diễn biến của câu chuyện. Bằng cách quan sát suy nghĩ của người khác, những học sinh của chúng ta có thể học được những kỹ năng bất chước mới và ngôn ngữ để xác định những trải nghiệm cá nhân của các em.

Động viên mọi dạng biểu hiện, tôn trọng những sai lầm hoặc sự không trang trọng: Zaretta Hammond nói rằng những sai lầm của học sinh là thông tin. Khi học sinh viết thư cho bạn để kết nối và chia sẻ về cuộc sống của các em, tránh trực tiếp bảo các em nên viết như thế nào. Một cách đơn giản là ghi chú lại những sai lầm và viết những thư phản hồi với những cấu trúc đúng đắn. Sử dụng những thông tin này để lên kế hoạch giảng dạy, nhưng đừng hướng dẫn ngay trong bức thư bạn gửi.

Giữ khoảng trống cho những cảm xúc của học sinh: Để duy trì những mối quan hệ viết thư chung một cách công bằng, hãy tránh những lời bình luận thể hiện quyền hạn của bạn vẫn là một giáo viên. Thay vì đưa gợi ý những giải pháp cho những vấn đề mà học sinh chia sẻ, phản hồi với sự thừa nhận và thông cảm. Thay vì trấn an học

sinh với những lời khen ngợi, thể hiện bạn chia sẻ với những trải nghiệm của các em như thế nào hoặc bạn đã học được những gì từ các em.

Khi học sinh của chúng ta có những tiếp cận không đồng đều với công nghệ học tập từ xa, viết thư cho phép chúng ta tăng cường sự công bằng trong tầm ảnh hưởng của mình. Chúng ta có thể cho các em một khoảng trống gian an toàn để các em phản ánh, phản nản, không đồng ý, thể hiện sự sợ hãi, đặt những câu hỏi khó và nghe những câu chuyện của chúng ta. Chúng ta có thể luyện tập ở đó cùng học sinh như là một người trưởng thành được các em tin tưởng, một mối quan hệ có thể phát triển quá trình học tập nghiêm túc.





Thay vì coi “thất bại” như là một điều tích cực, tại sao không sử dụng những từ tích cực?

¹ Rolin Moe | Jasmine dịch

bại” để chỉ ra điểm tích cực gì đối với học sinh và các trường học?

Trong những tháng gần đây, các soạn giả, các học khu và các nhà lí luận lớn đã khuyến khích việc coi thất bại như là một kinh nghiệm có giá trị cho người trẻ, đặc biệt là với học sinh. Tiền đề của tranh luận này có thể có giá trị, vì có bằng chứng cho thấy rằng học sinh có thể làm tốt nhất khi các em có không gian để vật lộn đấu tranh với thử thách và sai lầm, học tập dựa trên thiết kế hoặc vấn đề. Những cách tiếp cận theo hướng nghiên cứu này đã có lịch sử thành công lâu dài trong tác động thực tiễn giáo dục.

Nhưng nếu đó là một trường hợp, tại sao chúng ta lại đang sử dụng nhiều lần từ “thất bại” trong bài thuyết trình xã hội và trong giáo dục? Việc sử dụng một từ mang nghĩa tiêu cực như từ “thất

“Thất bại” trong giáo dục nói riêng và trong xã hội chung là một từ tiêu cực. Thất bại có nghĩa là kết thúc mà không đạt được các tiêu chuẩn hay mục tiêu với một nhiệm vụ. Tuy nhiên, trong xã hội chung, đó là sự lưỡng phân giữa thành công và thất bại. Còn trong giáo dục, đó là một phạm vi. Không đạt được những mong đợi trong kinh doanh (có lẽ ngoại trừ trong mô hình công nghiệp công nghệ “thất bại nhanh”) có thể được cho là thất bại và từ đó lại tiếp tục cố gắng lại, nhưng trong giáo dục, sự nỗ lực không phải là thất bại nhưng là khoảng cách giữa thành công rực rỡ và thất bại, cái mà đạt được nhờ thực hiện lại trong tinh thần nỗ lực. Thất bại là tiền đề để đánh giá giáo dục, chữ cái F là một nhân tố quan trọng trong bảng chữ cái bắt đầu từ chữ cái A.

Nhà Tâm lí giáo dục Alfie Kohn gây ra một số

¹ Nguồn: <https://www.kqed.org/mindshift/35852/instead-of-framing-failure-as-a-positive-why-not-just-use-positive-words>

tranh cãi mạnh mẽ về đặc tính của thất bại trong một bài báo cáo gần đây trên tờ The Atlantic. Kohn vừa đặt câu hỏi liệu trường học và xã hội đang làm giảm đi sự thoải mái của học sinh, liệu thất bại có mang lại lợi ích về mặt tâm lý hay chỉ đơn giản là một từ. Theo Kohn, điều liên quan nhất đến thành công là những trải nghiệm trước đó với thành công, chứ không phải là với thất bại. Mặc dù có những ngoại lệ nhưng hậu quả chắc chắn nhất của thất bại là một đứa trẻ sẽ nhìn nhận bản thân như là một người thiếu năng lực. Và kết quả của niềm tin này là có khuynh hướng thất bại nhiều hơn.

“Khi giáo viên tự vấn về những giả định của bản thân với nỗ lực của học sinh, giáo viên sẽ bắt đầu xem xét lại cách mình trò chuyện với học sinh.”

Điều này cho thấy sự trái ngược giữa các phương pháp sư phạm nhằm khuyến khích sự khám phá và thử nghiệm của trẻ nhỏ, và rằng thất bại là tốt. Thay vì cố gắng coi thất bại như một điểm tích cực, việc tập trung tìm hiểu những phương pháp trong khi bỏ đi những biểu tượng của sự tiêu cực có thể đạt được mục tiêu như những gì những người ủng hộ sự thất bại, nhưng những lợi ích sẽ tuyệt vời hơn.

Tầm quan trọng của việc phương pháp khám phá và cách tiếp cận mang tính tích cực trong môi trường giáo dục có một đồng minh quan trọng và đầy sức mạnh: học giả giáo dục, nhà lý luận học Phần Lan: Yrjö Engeström. Năm 1998, Yrjö Engeström làm việc với một ngôi trường trung học tại một khu vực có mức thu nhập thấp để giúp các cán bộ giáo dục xem lại về những cố gắng của họ trong việc tạo ra các cơ chế cụ thể cho sự thay đổi để đáp ứng được nhu cầu của tất cả học sinh của họ thông qua một nghiên cứu được thiết kế và tiến hành bởi phòng thí nghiệm sự thay đổi [Change Laboratory] của trường đại học Helsinki.

Engeström và đồng nghiệp của mình đã điều phối các phiên thảo luận cho đội ngũ nhân viên và giảng viên của trường với mục tiêu mang lại không gian cho những cuộc trao đổi mang tính xây dựng về các hoạt động giảng dạy hàng ngày hướng tới các cơ chế cụ thể. Quan điểm của các giáo viên về các yếu tố cấu thành nên một kết quả giáo dục lý tưởng khác với công việc giảng dạy thực tiễn hằng ngày của họ, vì vậy họ bắt tay vào thực hiện một dự án cuối cùng mà học sinh sẽ tạo ra sản phẩm cụ thể thể hiện việc học tập của mình. Dự án đã mang lại trải nghiệm cao nhất và cho phép giáo viên ghi chép lại quá trình học tập.

Tuy nhiên, hành trình học tập không chỉ dành riêng cho học sinh. Theo như các phiên thảo luận Engeström ghi nhận, giáo viên bị cuốn vào vòng miêu tả học sinh ở những phương diện tiêu cực: Một vài học sinh sẽ lười biếng và hờ hững sẽ hoàn thành dự án như thế nào khi các em không bao giờ quan tâm đến trường học? Engeström lưu ý trong một nghiên cứu rằng cuộc thảo luận là một ví dụ về một “mâu thuẫn ngầm” rằng học sinh thì lười biếng, ngoại trừ khi học sinh thực hiện dự án trong nhà trường. Những mâu thuẫn như vậy, theo Engeström không thể sửa chữa được bằng cách cô lập và tóm tắt vấn đề cho phân tích và dữ liệu, nhưng có thể xử lý được với một quá trình được gọi là: học tập mở rộng bao gồm đặt câu hỏi giả định, mô hình hóa các hành vi và thử nghiệm với các mô hình khác nhau. Về bản chất, các cuộc thảo luận bàn tròn giữa các giáo viên cũng như là một ví dụ về học tập mở rộng như dự án cuối cùng cho học sinh, giáo viên buộc phải vật lộn với sự mâu thuẫn ngầm về cách thức giống như là học sinh vật lộn với dự án cuối cùng của các em.

Khi giáo viên tự vấn về những giả định của bản thân với nỗ lực của học sinh, giáo viên sẽ bắt đầu xem xét lại cách mình trò chuyện với học sinh. Khi không chỉ ra điểm ngôn ngữ theo cách đặc

biệt, giáo viên bắt đầu sử dụng ngôn ngữ tích cực để nói đến sự nỗ lực và khả năng của học sinh. Trong các thảo luận bàn tròn, lượng ngôn ngữ tích cực được sử dụng để miêu tả học sinh tăng lên tám phần.

Cuộc nói chuyện tiêu cực vẫn còn tồn tại trong các cuộc thảo luận nhưng cuộc thảo luận tích cực đã mở rộng và làm giàu thêm ngôn ngữ của giáo viên. Các trải nghiệm đã không bị cô lập khỏi các thảo luận bàn tròn hay dự án cuối cùng, điều xảy ra là sự chuyển đổi văn hóa trong trường học nơi mà những thừa nhận và mâu thuẫn được thử thách và đạt được sự tương tác tích cực.

Công việc của Engestrom ở đây và một số nơi khác nhấn mạnh một cá nhân không thể tách biệt thay đổi trong ngôn ngữ từ phần còn lại của dự án. Tất cả tồn tại như một cộng đồng và như một sự kiện học tập theo thời gian và không gian. Nhưng tầm quan trọng của việc xã hội nhận thức như thế nào đối với học tập là một minh chứng cho thấy sự phát triển tiềm năng và việc học của học sinh. Học sinh không được nuông chiều trong dự án trên, hơn thế, học sinh đã bị thử thách và đẩy lên mức độ cao hơn chương trình giảng dạy bắt buộc. Sự pha trộn các bài tập xác thực, thiết lập những bước đệm gợi ý [scaffolding] và thái độ tích cực sẽ tạo nên sự thành công.

Sự trộn lẫn giữa thực hành mở rộng và thái độ tích cực này là không phải là chưa từng có, Paula Denton từ Quỹ Đông Bắc cho Trẻ em, tác giả của cuốn sách “Sức mạnh trong ngôn từ của chúng ta”, ủng hộ tầm quan trọng của việc sử dụng ngôn ngữ tích cực trong lớp học, nhấn mạnh rằng việc sử dụng và ứng dụng ngôn ngữ tích cực của chúng ta cần được duy trì sự nhất quán với việc chúng ta sử dụng nó trong hay ngoài lớp học, vì vậy sự thay đổi là minh chứng trong suốt quá trình tồn tại của chúng ta, không tách biệt và cũng không trừu tượng. Theo Denton, ngôn ngữ có ý nghĩa với xã hội của chúng ta và cách

thức chúng ta cấu thành ngôn ngữ có thể cùng cố hơn là làm tối nghĩa. Sách của Denton ủng hộ giáo viên hiểu điều mình nói và lấy ý nghĩa làm điều quan trọng cốt yếu và không có sự mập mờ. Từ nhận thức này, tại sao chúng ta sử dụng “thất bại” để chỉ điều tích cực trong khi thất bại vốn mang ý nghĩa tiêu cực?

Thảo luận về sự thất bại là hầu như một cuộc thảo luận về thử thách, về việc tạo dựng bước đệm, về việc cung cấp một điểm mà câu trả lời đúng không có được ngay từ lần đầu tiên, nó không nên phụ thuộc vào môn học hay dự án nào, nhưng là nơi học sinh có thể học tập từ sai lầm của mình và tiến lên phía trước. Tuy nhiên, như Engestrom và Denton chỉ ra trong nghiên cứu của họ, cách thức chúng ta tham gia cần tích cực thay vì tiêu cực, cần phải đo đếm được hơn là vô hình, và dựa trên quan điểm của sự mài giũa. Theo như lưu ý của giáo viên K-12 lâu năm Joe Bower, tranh luận về sự bền bỉ là những tranh cãi đổ lỗi cho các nhân tố bên ngoài, hơn là tập trung vào những thử thách bên trong, những thử thách mang tính xã hội, hay những thử thách thuộc về cấu trúc [xã hội?]. Tập trung trở lại vào việc tạo ra môi trường khám phá và tương tác tích cực có thể tạo ra các cơ hội giống nhau cho học sinh, điều mà những người ủng hộ sự thất bại mong muốn nhìn thấy, nhưng không hề có ý nghĩa và kết quả tiêu cực.

Rolin Moe nhà giáo dục, nhà nghiên cứu, diễn giả, nhà văn, cố vấn và một nhà hướng dẫn.

[30+ FRAME- WORKS GIÁO DỤC] - KỲ 13: BUILDING BLOCKS FOR LEARNING

Việt Anh

Phát triển bởi: Tổ chức phi lợi nhuận Turnaround for Children¹ [Bước ngoặt cho trẻ em]

Mục đích: *Building Blocks for Learning* là một khung toàn diện cho sự phát triển của học sinh, giúp học sinh phát triển và đạt được những thành tích học tập ở những trường học có nhiều khó khăn. Khung tập trung vào những kỹ năng và mô thức tư duy nội tâm hoặc hướng ngoại mà trẻ em cần có để đạt được những thành công trong nhà trường, hay thậm chí vươn xa hơn.

Độ tuổi: K-12

Áp dụng: Trong 16 năm qua, Turnaround for Children đã hợp tác với hơn 100 trường học để cung cấp cho các nhà giáo dục kiến thức và công cụ giúp học sinh thành công.

¹ Xem thêm tại website: <https://turnaroundusa.org/>

Bối cảnh:

- Lưu ý rằng chủng tộc, giới tính hay các khía cạnh khác của cá nhân có ảnh hưởng tới nhận thức tích cực/tiêu cực về các kỹ năng hoặc các mô thức tư duy.
- Kêu gọi nhiều nghiên cứu xoay quanh mối quan hệ giữa độ tuổi, giới tính và chủng tộc tới việc đặc thù, vận dụng và nhận thức về các kỹ năng cũng như các mô thức tư duy.
- Thảo luận về sự quan trọng của các bối cảnh xã hội cũng như tác động của những mối quan hệ tới sự phát triển của trẻ.
- Kêu gọi nhiều nghiên cứu về cách thức giảng dạy các kỹ năng, mô thức tư duy trong nhà trường, sau giờ học và những chương trình giáo dục thay thế.

khối.

- Lưu ý rằng có những bằng chứng mạnh mẽ chỉ ra rằng các kỹ năng tác động lớn tới thành tích học tập.

Tài nguyên sẵn có:

- Cung cấp video truyền tải thông tin về khung.
- Cung cấp các video bổ sung về sự phát triển não bộ và về khoa học nghịch cảnh.

Công cụ đo:

- Thảo luận về những vấn đề với loại tự báo cáo thường được sử dụng để đo lường kỹ năng, đồng thời kêu gọi thêm những biện pháp đánh giá dựa vào hành vi.

Quan điểm phát triển:

- Sắp xếp các kỹ năng theo hệ thống phân tầng phát triển dựa trên nghiên cứu: các khối hộp ở đáy của hình chóp là các kỹ năng nền móng, hỗ trợ những kỹ năng ở vị trí cao hơn của hình chóp.
- Bao gồm một số thông tin, theo đó, một số kỹ năng cần phải được xây dựng ngay từ những năm tháng đầu đời, nhưng lại không cung cấp thông tin nhất quán về độ tuổi xây dựng nhất định cho tất cả các

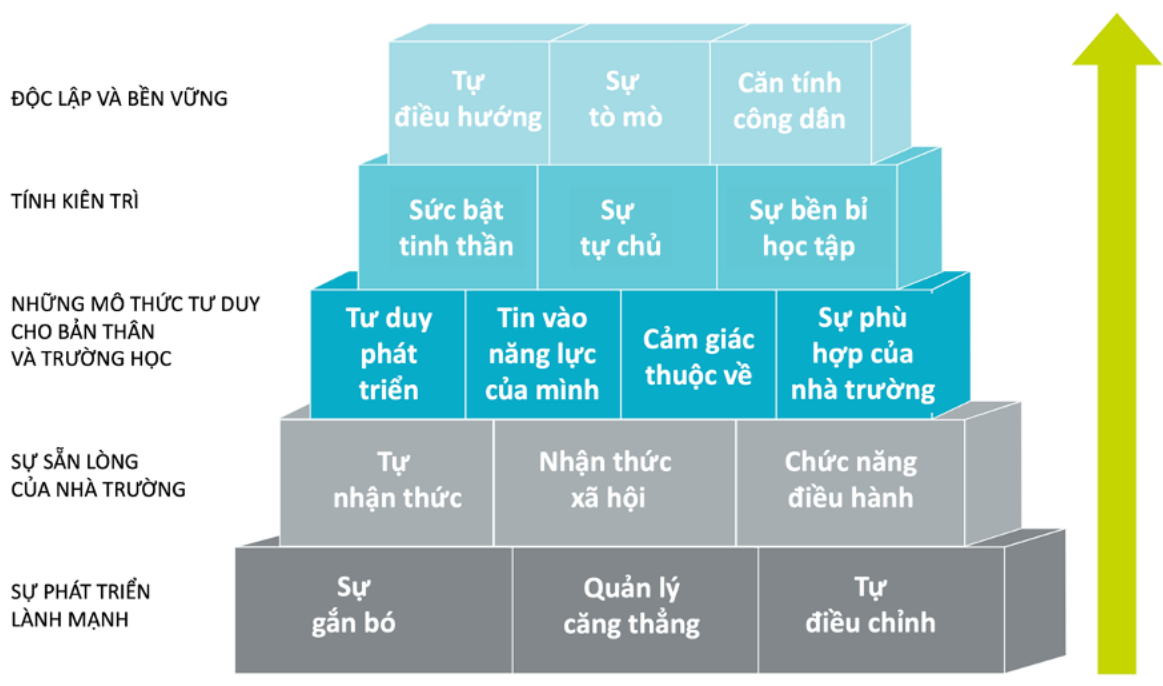
Tài liệu tham khảo:

- Stafford-Brizard, K. B. (2016). Building blocks for learning: A framework for comprehensive student development. Retrieved from: <http://www.turnaroundusa.org/wp-content/uploads/2016/03/Turnaround-for-Children-Building-Blocks-for-Learningx-2.pdf>

#EdLab

#moingay1frameworkGiaoduc #LearnToLearn

#CultivatingEducationalPractices



Building
Blocks for
Learning

TỔNG KẾT DẠY & HỌC 2020

Một năm 2020 với những biến động không tưởng đang chuẩn bị khép lại. BBT Lộn Xộn lại thêm một năm nữa đồng hành cùng với các quý thầy/cô, quý bạn đọc. Vì là một năm thật dài cùng muôn vàn khó khăn và trở ngại, nên cũng là một năm mà chúng ta học được muôn vàn bài học và trải nghiệm mới lạ.

Đi qua 12 số nội san, quý bạn đọc đã cùng chúng tôi bước chân qua **129** bài viết. Trong đó, chúng ta đã học cách học trong **27** bài chuyên mục Học thế nào, nâng cao chuyên môn giảng dạy trong **47** bài chuyên mục Dạy thế nào, cùng nhìn nhận lại các vấn đề giáo dục trong **8** bài viết của chuyên mục Góc nhìn để cùng nhau đổi mới trong **26** bài Cải tổ giáo dục. Đặc biệt, trong năm vừa rồi, BBT Lộn Xộn đã hân hạnh nhận được **4** bài viết cho chuyên mục Từ thực địa, tức 4 bài học quý giá mà các thầy/cô tự đúc kết từ những trải nghiệm của mình.

Sự kiện lớn nhất bao trùm cả năm vừa rồi là dịch bệnh COVID-19. BBT Lộn Xộn đã cố gắng góp một phần bé nhỏ để hỗ trợ quý thầy/cô đương đầu thông qua 9 bài viết về dạy học trực tuyến cùng 5 bài viết cung cấp các góc nhìn liên quan. Một chủ đề liên tục được nhắc lại trong các số Dạy&Học 2020 là thúc đẩy sự tự chủ, với hơn 10 bài viết về cách thức để tạo động lực nội sinh, kỹ năng tự điều hướng hay tư duy nghiên cứu ở học sinh. Trong năm này, chúng tôi cũng bắt đầu giới thiệu tới quý bạn đọc mỗi tháng một framework giáo dục.

Giống như tựa đề của Dạy & Học số 30, 2020 là một năm tuy khó khăn nhưng là một cơ hội để ta thêm gắn kết. 2021 sắp tới, liệu ta có thể tìm ra lời giải cho những biến cố của 2020, những cơ hội mới nào đang chờ đợi chúng ta ở năm mới, còn những chuyển biến to lớn nào đang sắp diễn ra? BBT Lộn Xộn cũng không thể đưa ra bất kỳ dự đoán nào. Trong một thế giới đầy bất định, thứ duy nhất chúng tôi có thể tự tin nói với quý bạn đọc là chúng tôi vẫn sẽ ở đây, tiếp tục đồng hành cùng quý bạn đọc trong hành trình gian truân nhưng cũng đầy lý thú này.

Trân trọng,

Ban Biên tập Lộn Xộn

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Dương Phú Việt Anh

Nguyễn Linh Chi

Nguyễn Tiến Đạt | Công ty CP PTGD POMATH

Vũ Đức Hà | The Lyceum

Phùng Thị Ngọc Lan | Hogwarts

Lăng Thị Anh | THCS Vĩnh Yên

Trần Thị Thu Giang | Teach For Viet Nam

Đoàn Phương Thực | EdLab Asia

Hàn Quốc Việt | EdLab Asia

Khuất Thị Tuấn | Trường PTLC Olympia Hà Nội

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



CONSORTIUM for
NEW EDUCATION

Đã học & làm

“Học để Dạy, và Dạy để Học”